VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 1439 + 1440)

106: Xay xát và sản xuất bột

Nhóm này gồm: Xay xát bột thô hoặc thức ăn từ rau củ, xay bột, làm sạch, đánh bóng gạo cũng như nghiền và xử lý nhiệt bột, sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột nhão từ các sản phẩm này.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất bột ngô ướt và rau quả, sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;

- Sản xuất các sản phẩm bột không chứa gluten.

Loại trừ: Sấy hạt ngũ cốc trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt).

1061: Xay xát và sản xuất bột thô

10611: Xay xát

Nhóm này gồm:

Hoạt động xay xát gạo: sản xuất gạo bằng cách tách vỏ trấu, xay xát, đánh bóng, luộc qua.

10612: Sản xuất bột thô

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột thô: Sản xuất bột mỳ, yến mạch, thức ăn hoặc viên thức ăn từ lúa mỳ, lúa mạch đen, yến mạch, ngô và các hạt ngũ cốc khác;

- Sản xuất bột gạo;

- Xay rau: Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các loại đậu, các rễ thân cây hoặc các hạt ăn được khác;

- Chế biến đồ ăn sáng từ ngũ cốc;

- Sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột đã trộn sẵn làm bánh mỳ, bánh quy và bánh ngọt.

Loại trừ:

- Sản xuất bột và thức ăn từ khoai tây được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Sản xuất bột ngô ẩm được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột).

1062 - 10620: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô...

- Sản xuất bột ngô ướt;

- Sản xuất đường glucô, đường mạch nha, inulin...

- Sản xuất glutein;

- Sản xuất bột sắn và các sản phẩm phụ của sắn;

- Sản xuất dầu ngô.

Loại trừ:

- Sản xuất đường lactose (đường sữa) được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất đường mía hoặc đường củ cải được phân vào nhóm 10720 (Sản xuất đường).

107: Sản xuất thực phẩm khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các loại thực phẩm khác nhau không thuộc các nhóm trên của ngành này.

Cụ thể:

Sản xuất các loại bánh, sản xuất đường và kẹo, sản xuất mỳ và các sản phẩm tương tự, các phần ăn sẵn, cà phê, chè và rau gia vị cũng như các thực phẩm đặc biệt và dễ hỏng.

1071 - 10710: Sản xuất các loại bánh từ bột

Nhóm này gồm:

Sản xuất các loại bánh từ bột như:

- Sản xuất bánh ngọt khô hoặc làm lạnh, bánh tươi;

- Sản xuất bánh mỳ;

- Sản xuất bánh nướng, bánh ngọt, bánh pate, bánh nhân hoa quả...

- Sản xuất bánh quy và các loại bánh ngọt khô khác;

- Sản xuất sản phẩm ăn nhẹ (bánh bao, bánh ròn, bánh quy cây...) mặn hoặc ngọt;

- Sản xuất bánh bắp;

- Sản xuất bánh phồng tôm;

- Sản xuất bánh ngọt làm lạnh: bánh mềm, bánh cuộn, bánh quế...

Loại trừ:

- Sản xuất hỗn hợp bột mỳ, bột trộn sẵn, bột nhão làm bánh mỳ, bánh ngột, bánh quy, bánh mềm được phân vào nhóm 10612 (Sản xuất bột thô);

- Sản xuất các sản phẩm từ bột (mì ống) được phân vào nhóm 10740 (Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự);

- Sản xuất khoai tây chiên được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Nướng bánh dùng ngay được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống).

1072 - 10720: Sản xuất đường

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đường (sucrose), mật mía, đường củ cải và đường khác từ các cây khác có đường. Tinh lọc đường thô thành đường tinh luyện (RE). Sản xuất si rô, mật nước tinh lọc được làm từ đường mía hoặc đường từ các cây khác có đường như đường củ cải, đường từ cây thích, đường từ cây thốt nốt;

- Sản xuất đường dạng lỏng;

- Sản xuất mật đường.

Loại trừ:

- Sản xuất lactose, siro lactose được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất gluco, mật gluco, manto được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột).

1073 - 10730: Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ca cao, dầu ca cao, bơ ca cao, mỡ ca cao;
- Sản xuất sôcôla và kẹo sôcôla;
- Sản xuất kẹo: kẹo cứng, sôcôla trắng, kẹo cao su, kẹo nu ga, kẹo mềm;
- Sản xuất kẹo gôm;
- Ngâm tẩm đường cho quả, hạt cây và các bộ phận của cây;
- Sản xuất kẹo có mùi thơm, kẹo dạng viên;
- Sản xuất kẹo không đường.

Loại trừ: Sản xuất đường sacaro được phân vào nhóm 10720 (Sản xuất đường).

1074 - 10740: Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mì như mỳ ống, mỳ sợi kể cả đã được nấu, nhồi hoặc chưa;
- Sản xuất bột mỳ (nấu với thịt).

Loại trừ: Sản xuất súp mỳ được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

1075: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn

Nhóm này gồm: Sản xuất các thức ăn và món ăn chế biến sẵn (đã chế biến và nấu chín) và được bảo quản (chẳng hạn bảo quản ở dạng đông lạnh hoặc đóng hộp). Các món ăn này thường được đóng gói và dán nhãn để bán lại, nhóm này không bao gồm món ăn tiêu dùng ngay như trong nhà hàng. Các món ăn phải chứa ít nhất hai thành phần chính riêng biệt (trừ gia vị,...).

Loại trừ:

- Sản xuất thực phẩm tươi sống hoặc thực phẩm có ít hơn hai thành phần được phân vào nhóm tương ứng trong ngành 10 (Sản xuất, chế biến thực phẩm);
- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hư hỏng được phân vào nhóm 10309 (Chế biến và bảo quản rau quả khác);
- Sản xuất súp, nước xuýt và các thực phẩm khác được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn thức ăn và món ăn đã chế biến được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào);

- Bán lẻ đồ ăn đã chế biến trong các cửa hàng được phân vào nhóm 47110 (Bán lẻ tổng hợp lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn), nhóm 47210 (Bán lẻ lương thực);

- Hoạt động của nhà thầu dịch vụ ăn uống được phân vào nhóm 56400 (Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống).

10751: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt

Nhóm này gồm: Sản xuất món ăn sẵn từ thịt (bao gồm thịt đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không).

10752: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản

Nhóm này gồm: Sản xuất các món ăn sẵn từ thủy sản (bao gồm thủy sản đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không).

10759: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác

- Sản xuất các thức ăn sẵn khác;

- Sản xuất món ăn từ mì và gạo;

- Sản xuất món ăn từ rau;

- Sản xuất bánh pizza dạng đông lạnh.

1076 - 10760: Sản xuất chè

Nhóm này gồm:

- Trộn chè và chất phụ gia;

- Sản xuất chiết xuất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất chè được đóng gói trong túi lọc hoặc viên.

1077 - 10770: Sản xuất cà phê

Nhóm này gồm:

- Rang và lọc chất caphêin cà phê;

- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;

- Sản xuất các chất thay thế cà phê.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất cà phê được đóng gói trong túi lọc hoặc viên.

1079 - 10790: Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất súp và nước xuýt;

- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, sữa công thức cho trẻ sơ sinh, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm chứa thành phần đồng nhất...;

- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;

- Sản xuất dấm;

- Sản xuất mật ong nhân tạo và chất tạo màu caramel (nước hàng, đường thắng, kẹo đắng);

- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất men vi sinh (probiotic);

- Sản xuất các loại dịch truyền, trà, thuốc sắc thảo dược (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã...);

- Sản xuất men bia;

- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;

- Sản xuất sữa không từ sữa động vật và các sản phẩm thay thế phô mai;

- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;

- Sản xuất muối thành muối thực phẩm, bao gồm muối trộn i ốt;

- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;

- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;

- Sản xuất thực phẩm chức năng như: Thực phẩm ít calo hỗ trợ giảm cân; thực phẩm dinh dưỡng y học...

Loại trừ:

- Trồng cây gia vị được phân vào nhóm 0128 (Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm);

- Sản xuất inulin được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột);

- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông được phân vào nhóm 10309 (Chế biến và bảo quản rau quả khác);

- Sản xuất pizza đông lạnh được phân vào nhóm 10759 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác);

- Sản xuất các sản phẩm của chè, cà phê, trà mate được phân vào nhóm 1076 (Sản xuất chè), 1077 (Sản xuất cà phê);

- Sản xuất rượu mạnh, bia, rượu vang và đồ uống nhẹ được phân vào ngành 11 (Sản xuất đồ uống);

- Sản xuất sản phẩm thực vật dùng làm dược phẩm được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu).

108 - 1080 - 10800: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ ăn sẵn cho vật nuôi kiểng, bao gồm chó, mèo, chim, cá...

- Sản xuất đồ ăn sẵn cho động vật trang trại, bao gồm thức ăn cô đặc và thức ăn bổ sung;

- Sản xuất thức ăn nguyên bản, chưa trộn cho gia súc nông trại.

Nhóm này cũng gồm: Xử lý phế phẩm của giết mổ gia súc để chế biến thức ăn gia súc.

Loại trừ:

- Sản phẩm thịt cá cho thức ăn gia súc được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);

- Sản xuất bánh có dầu được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật);

- Các hoạt động dẫn đến các sản phẩm phụ có thể dùng làm thức ăn gia súc mà không cần xử lý đặc biệt, ví dụ hạt có dầu được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật), bã của hạt xay nghiền được phân vào nhóm 1061 (Xay xát và sản xuất bột thô).

11: SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG

Ngành này gồm: Sản xuất đồ uống như đồ uống không cồn và nước khoáng, sản xuất đồ uống có cồn chủ yếu thông qua lên men, bia và rượu, sản xuất đồ uống có cồn qua chưng cất.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất mạch nha ủ men bia.

Loại trừ:

- Sản xuất nước rau, quả được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Sản xuất đồ uống có sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất chè được phân vào nhóm 10760 (Sản xuất chè);

- Sản xuất cà phê được phân vào nhóm 10770 (Sản xuất cà phê).

110: Sản xuất đồ uống

1101 - 11010: Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ uống có cồn được chưng cất hoặc pha chế các loại rượu mạnh: rượu whisky, rượu gin, rượu mùi, đồ uống hỗn hợp...

- Sản xuất đồ uống pha với đồ uống có cồn được chưng cất;

- Pha chế các loại rượu mạnh đã chưng cất;

- Sản xuất rượu mạnh trung tính.

Loại trừ:

- Sản xuất rượu êtilíc làm biến tính được phân vào nhóm 20114 (Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác);

- Sản xuất đồ uống có cồn chưa qua chưng cất được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang) và nhóm 11030 (Sản xuất bia);

- Đóng chai, dán nhãn rượu được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào), nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói) nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

1102 - 11020: Sản xuất rượu vang

Nhóm này gồm:

- Sản xuất rượu vang;

- Sản xuất rượu vang sủi tăm;

- Sản xuất rượu vang từ nước nho cô đặc;

- Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn;

- Sản xuất rượu vec mut và các loại tương tự.

Nhóm này cũng gồm:

- Pha chế các loại rượu vang;

- Sản xuất rượu không cồn và có độ cồn thấp.

Loại trừ:

- Sản xuất giấm được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Đóng chai và dán nhãn được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào) nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói) nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

1103 - 11030: Sản xuất bia

Nhóm này gồm:

- Sản xuất rượu từ mạch nha như bia, bia đen;

- Sản xuất bia không cồn hoặc có độ cồn thấp.

1104 - 11040: Sản xuất mạch nha ủ men bia

Nhóm này gồm: Sản xuất mạch nha ủ men bia.

Loại trừ:

- Sản xuất rượu từ mạch nha được phân vào nhóm 11030 (Sản xuất bia);

- Chiết xuất mạch nha và si rô được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

1105: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

11051: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai

Nhóm này gồm: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai khác.

11052: Sản xuất đồ uống không cồn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn;

- Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...

- Sản xuất các loại đồ uống không cồn khác, ví dụ như đồ uống làm từ đậu nành,...

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất nước ép mật hoa (hay còn gọi là nước ép cùi).

Loại trừ:

- Sản xuất nước chiết từ rau quả được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Sản xuất đồ uống từ sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất chè được phân vào nhóm 10760 (Sản xuất chè);

- Sản xuất cà phê được phân vào nhóm 10770 (Sản xuất cà phê).

- Sản xuất rượu không cồn được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang);

- Sản xuất bia không cồn được phân vào nhóm 11030 (Sản xuất bia);

- Đóng chai và dán nhãn được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào), nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói), nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

12: SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Ngành này gồm: Chế biến nông sản lá thuốc lá thành các loại sản phẩm thuốc lá, thuốc hút khác.

120 - 1200: Sản xuất sản phẩm thuốc lá

12001: Sản xuất thuốc lá

Nhóm này gồm:

- Chế biến lá thuốc lá thành sợi thuốc lá;

- Sản xuất thuốc lá và các sản phẩm từ thuốc lá như: thuốc lá điếu;

- Sản xuất thuốc lá "đồng nhất" hoặc thuốc lá "tấm".

Loại trừ:

- Trồng thuốc lá được phân vào nhóm 01150 (Trồng cây thuốc lá, thuốc lào);

- Sơ chế thô lá thuốc lá được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);

- Sản xuất chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử (bao gồm cả chất lỏng dùng để nạp lại) được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thuốc lá điện tử được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

12009: Sản xuất thuốc hút khác

Nhóm này gồm: Sản xuất xì gà, thuốc lá hút tẩu, thuốc lá nhai, thuốc lá rê.

13: DỆT

Ngành này gồm: Sản xuất sợi, dệt vải, hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất các sản phẩm từ vải dệt, trừ quần áo (ví dụ đồ bằng vải dùng trong gia đình, khăn trải, thảm trải sàn, dây thừng...).

Loại trừ:

- Trồng sợi thiên nhiên được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Sản xuất sợi tổng hợp hoặc nhân tạo được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);

- Sản xuất sản phẩm may mặc được phân vào ngành 14 (Sản xuất trang phục).

131: Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm dệt, bao gồm các hoạt động như chuẩn bị, kéo sợi và dệt vải. Nó có thể được làm từ các nguyên liệu thô khác nhau như lụa, len, sợi nhân tạo hay từ động thực vật khác, từ giấy hay từ thủy tinh...

Nhóm này cũng gồm: Hoàn thiện sản phẩm dệt và may trang phục như tẩy trắng, nhuộm, may và các hoạt động tương tự.

1311 - 13110: Sản xuất sợi

Nhóm này gồm:

- Chuẩn bị sợi dệt: quay và dệt sợi; tẩy nhờn và các-bon hóa len, nhuộm len lông cừu; chải len lông các loài động vật, thực vật và sợi tái tạo hoặc tổng hợp;

- Xe sợi và sản xuất sợi cho dệt hoặc may để buôn bán hoặc chế biến thêm;

- Tách sợi lanh khỏi phần gỗ bên trong của thân cây lanh;

- Sản xuất sợi, kết, cuộn, ngâm sợi tổng hợp hoặc sợi tái tạo;

- Sản xuất vải cotton rộng bản, vải len, vải lụa, vải lanh bao gồm cả sợi tái tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất sợi tái chế từ nguyên liệu thô thứ cấp;

- Sản xuất sợi giấy.

Loại trừ:

- Công việc chuẩn bị được thực hiện gắn với nông nghiệp hoặc trang trại được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Ươm các cây lấy sợi (đay, gai, lanh...) được phân vào nhóm 01160 (Trồng cây lấy sợi);

- Tỉa hột bông được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);

- Sản xuất sợi tổng hợp hoặc nhân tạo, sản xuất sợi đơn (bao gồm sợi dai và sợi dùng dệt thảm) từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);

- Sản xuất sợi thủy tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh).

1312 - 13120: Sản xuất vải dệt thoi

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vải cotton khổ rộng bằng cách đan, tấm vải đan, thêu, bao gồm từ sợi nhân tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất các tấm vải khổ rộng khác sử dụng sợi lanh, gai, đay và các sợi đặc biệt;

- Sản xuất vải dệt khổ rộng từ nguyên liệu thô thứ cấp;

- Sản xuất vải len tuyết, vải nhung, vải bông, gạc;

- Sản xuất các tấm vải từ aramid;

- Sản xuất các tấm lông nhân tạo bằng cách dệt.

Loại trừ:

- Sản xuất vải phủ sàn bằng nguyên liệu dệt được phân vào nhóm 13930 (Sản xuất thảm, chăn, đệm);

- Sản xuất nỉ và vải không dệt được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất các sản phẩm dệt khổ hẹp được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất bạt, lều, đồ cắm trại bằng vật liệu dệt; cánh buồm thuyền lướt ván và buồm thuyền; rèm che nắng; bạt phủ xe hơi, máy móc hoặc đồ nội thất; dù nhảy được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất tấm vải từ sợi thủy tinh được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất sợi các-bon và các sản phẩm từ sợi các-bon không dùng cho mục đích điện được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất sản phẩm dệt bằng cách đan, móc được phân vào nhóm 13910 (Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác).

1313 - 13130: Hoàn thiện sản phẩm dệt

Nhóm này gồm:

- Tẩy hoặc nhuộm vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo;

- Hồ vải, nhuộm, hấp, làm co, chống co, ngâm kiềm vải, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo;

- Tẩy quần áo bò;

- Xếp ly và các công việc tương tự trên sản phẩm dệt;

- Làm chống thấm nước, tạo lớp phủ, cao su hóa hoặc ngâm vải;

- In trên vải dệt như một bước trung gian trong sản xuất vải dệt;

- Thêu theo yêu cầu trên sản phẩm dệt.

Loại trừ:

- In (bao gồm in lụa) trên trang phục và sản phẩm dệt mà không phải là bước trung gian trong sản xuất vải dệt được phân vào nhóm 18120 (Dịch vụ liên quan đến in);

- Khắc laser trên vải được phân vào nhóm 18120 (Dịch vụ liên quan đến in);

- Sản xuất vải dệt được ngâm tẩm, phủ lớp cao su, cao su là thành phần chính được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su).

139: Sản xuất hàng dệt khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm được tạo ra từ vải dệt, ngoại trừ quần áo mặc, chẳng hạn như hàng dệt may sẵn, thảm và chăn mền, dây thừng, dây chão, vải dệt gối và một số đồ trang sức...

1391 - 13910: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và gia công các sản phẩm vải đan móc như:

+ Vải nhung và vải bông;

+ Vải lưới và vải trang trí cửa sổ;

+ Các loại vải bằng đan móc khác.

- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc đan móc.

Loại trừ: Sản xuất lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải màn dạng ren được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

1392 - 13920: Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất sản phẩm dệt sẵn từ bất kỳ nguyên liệu dệt nào, kể cả vải len như:

+ Chăn, túi ngủ;

+ Khăn trải giường, bàn hoặc bếp;

+ Chăn, chăn lông vũ, đệm ghế, gối và túi ngủ.

- Sản xuất các sản phẩm dệt may sẵn như:

+ Màn, rèm, mành, ga trải giường, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế;

+ Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu...

+ Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đắm, dù.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất phần dệt của chăn điện;

- Sản xuất thảm thêu tay.

Loại trừ:

- Sản xuất hàng dệt dùng trong kỹ thuật được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất sản phẩm dệt làm đồ chèn lót, hoặc sản phẩm chèn lót: như khăn tắm, băng vệ sinh được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

1393 - 13930: Sản xuất thảm, chăn, đệm

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tấm lát phủ sàn như: thảm tấm, chăn đệm, thảm lau chân;

- Sản xuất tấm phủ sàn dệt dạng nỉ có lỗ;

- Sản xuất cỏ nhân tạo.

Loại trừ:

- Sản xuất thảm chùi chân từ nguyên liệu tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất tấm phủ sàn từ nguyên liệu nhựa, cao su, tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất vải sơn lót sàn nhà, tấm phủ sàn có mặt cứng được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic).

1394 - 13940: Sản xuất các loại dây bện và lưới

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dây thừng, dây chão, dây bện và dây cáp từ sợi dệt hoặc sợi tương tự, bất kể chúng được tẩm phủ tráng, bọc bằng cao su, plastic hay không;

- Sản xuất lưới đan từ dây chão, dây thừng, bện;

- Sản xuất các sản phẩm lưới hoặc dây chão; lưới đánh cá, lưới chắn thuyền, dây cáp, dây chão có lõi bằng kim loại, dây đeo, lót đệm...

Loại trừ:

- Sản xuất lưới tóc được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất dây kim loại được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất lưới đánh cá thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao).

1399 - 13990: Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

Hoạt động liên quan đến dệt hoặc sản phẩm dệt chưa được phân vào đâu trong ngành 13 (Dệt), 14 (Sản xuất trang phục).

Cụ thể:

- Sản xuất vải không dệt, có hoặc không tẩm, tráng, phủ hoặc ép bằng nhựa hoặc cao su;

- Sản xuất vải không dệt, trong đó nhựa hoặc cao su tạo thành chất kết dính;

- Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi dọc không có sợi ngang được ghép với nhau thông qua chất kết dính;

- Sản xuất nhãn mác, băng rôn...

- Sản xuất đồ trang trí: vải viền, quả tua...;

- Sản xuất nỉ;

- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí;

- Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa;

- Sản xuất sợi kim loại hóa hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa;

- Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục);

- Sản xuất vải bố làm lốp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao;

- Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho hoạ sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng...;

- Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông;

- Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không);

- Sản xuất vải lót máy móc;

- Sản xuất vải quần áo dễ co giãn;

- Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật;

- Sản xuất dây giày;

- Sản xuất bạt, lều, buồm, dù; vải dệt cho rèm và mành che nắng, vỏ bọc rời cho ô tô (ví dụ: vải phủ lốp ô tô), máy móc hoặc đồ nội thất;

- Sản xuất lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải màn dạng ren

Loại trừ:

- Sản xuất tấm phủ sàn được phân vào nhóm 13930 (Sản xuất thảm, chăn, đệm);

- Sản xuất bông và các sản phẩm từ bông như: bông đánh phấn, khăn lau bằng vải bông, băng vệ sinh, ... được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất băng chuyền, băng tải bằng sợi dệt, dây thừng, dây chão được phủ, tráng cao su, trong đó cao su là thành phần chính được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất tấm, tờ hoặc mảnh cao su có liên kết với sợi vải dệt với mục đích tăng cường được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất quần áo từ sợi kim loại được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo, đồ trang sức trang điểm đan, thêu được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục đan móc).

14: SẢN XUẤT TRANG PHỤC

Ngành này gồm: Hoạt động may (may gia công hoặc may sẵn) bằng tất cả các nguyên liệu (ví dụ: da, dệt, vải đan hoặc móc), tất cả các loại quần, áo (quần áo mặc ngoài hoặc quần áo lót của nam, nữ, trẻ em; quần áo đi làm, quần áo ở nhà hoặc quần áo của người thành thị...) và các đồ phụ kiện. Sản xuất trang phục ở ngành này không có sự phân biệt giữa quần áo cho người lớn và quần áo cho trẻ em hay quần áo truyền thống hoặc hiện đại.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất trang phục, đồ phụ kiện và các mặt hàng khác từ da lông thú.

141 - 1410 - 14100: Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang phục, nguyên liệu sử dụng có thể là bất kỳ loại nào có thể được tráng, phủ hoặc cao su hóa;

- Sản xuất trang phục bằng da hoặc da tổng hợp bao gồm các phụ kiện bằng da dùng trong các ngành công nghiệp như tạp dề da;

- Sản xuất quần áo bảo hộ lao động;

- Sản xuất quần áo khoác ngoài từ vải len, vải dệt thoi, vải đan móc hoặc vải không dệt... cho phụ nữ, nam giới, trẻ em như: áo khoác ngoài, áo jacket, bộ trang phục, quần, váy...;

- Sản xuất quần áo lót hoặc quần áo đi ngủ làm từ vải len, vải đan móc, cho nam giới, phụ nữ hoặc trẻ em như: áo sơ mi, áo chui đầu, quần đùi, quần ngắn bó, bộ pyjama, váy ngủ, áo blu, áo lót, coóc xê...;

- Sản xuất quần áo cho trẻ em, quần áo bơi, quần áo trượt tuyết;

- Sản xuất mũ mềm hoặc cứng;

- Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: tất tay, thắt lưng, caravat, lưới tóc, khăn choàng;

- Sản xuất đồ lễ hội;

- Sản xuất mũ lưỡi trai bằng da lông thú;

- Sản xuất giày, dép từ nguyên liệu dệt không có đế;

- Sản xuất chi tiết của các sản phẩm trên.

Loại trừ:

- Sản xuất trang phục bằng da lông thú (trừ mũ lưỡi trai) được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);

- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc và các sản phẩm may sẵn khác, đan móc trực tiếp thành sản phẩm được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục đan móc);

- Sản xuất giày, dép được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất trang phục bằng cao su hoặc nhựa không bằng cách khâu mà chỉ gắn với nhau được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su) và nhóm 22209 (Sản xuất sản phẩm khác từ plastic);

- Sản xuất găng tay da thể thao và mũ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất mũ bảo hiểm (trừ mũ dùng cho thể thao) được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo bảo vệ và quần áo chống lửa được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sửa chữa trang phục được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

142 - 1420 - 14200: Sản xuất sản phẩm từ da lông thú

Nhóm này gồm:

Sản xuất sản phẩm làm từ da lông thú như:

+ Trang phục lông thú và phụ trang;

+ Các phụ kiện làm từ lông da như tấm, miếng lót, mảnh dải...;

+ Các sản phẩm phụ khác từ da lông thú như thảm, đệm, mảnh đánh bóng công nghiệp.

Loại trừ:

- Sản xuất da lông sống được phân vào nhóm 014 (Chăn nuôi) và nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Chế biến da thô và da sống được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất lông thú giả (quần áo có lông dài thông qua đan, dệt) được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi) và nhóm 13120 (Sản xuất vải dệt thoi);

- Sản xuất mũ lông thú được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất trang phục có trang trí lông thú được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Thuộc, nhuộm da được phân vào nhóm 15110 (Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú);

- Sản xuất bốt, giày có phần lông thú được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép).

143 - 1430 - 14300: Sản xuất trang phục đan móc

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang phục đan móc và các sản phẩm may sẵn khác, đan móc trực tiếp thành sản phẩm như: áo chui đầu, áo len, áo gile, quần áo ngủ, đồ lót, quần áo chơi thể thao, đồ thể thao, đồ bơi và các đồ tương tự;

- Sản xuất hàng dệt kim như áo nịt, tất, soóc.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất tất y khoa và hàng dệt y tế;

- Sản xuất giày, dép từ nguyên liệu dệt không có đế.

Loại trừ: Sản xuất vải đan móc, được phân vào nhóm 13910 (Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác).

15: SẢN XUẤT DA VÀ CÁC SẢN PHẨM CÓ LIÊN QUAN

Ngành này gồm: Thuộc, nhuộm da và chế biến da sống thành da bằng cách thuộc, chế biến da thành các sản phẩm cho sử dụng cuối cùng. Nó cũng bao gồm sản xuất các sản phẩm tương tự từ các nguyên liệu khác (giả da hoặc thay thế da), như giày, dép cao su, túi xách từ sản phẩm dệt. Sản phẩm được làm từ nguyên liệu thay thế da cũng thuộc nhóm này, vì chúng được sản xuất bằng các phương pháp tương đương với các sản phẩm da được sản xuất (ví dụ túi xách) và thường được sản xuất trong cùng một đơn vị.

151: Thuộc, sơ chế da; sản xuất va li, túi xách, yên đệm; sơ chế và nhuộm da lông thú

Nhóm này gồm: Sản xuất da lông thú và các sản phẩm da lông thú.

1511 - 15110: Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú

Nhóm này gồm:

- Thuộc da, nhuộm da;

- Sản xuất da thuộc, giấy giả da, da bóng hoặc da phủ kim loại;

- Sản xuất da tổng hợp;

- Cạo lông, chải lông, thuộc, tẩy trắng, xén lông, nhổ lông và nhuộm da lông thú.

Loại trừ:

- Sản xuất da sống và da như một phần việc của trại nuôi gia súc được phân vào nhóm 014 (Chăn nuôi);

- Sản xuất da sống và da là phần việc của hoạt động giết mổ được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất trang phục bằng da được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất da giả không phải từ da tự nhiên được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic).

1512 - 15120: Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm

Nhóm này gồm:

- Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, bằng da, da tổng hợp hoặc bất cứ nguyên liệu nào khác như nhựa, vải dệt, sợi hoặc bìa các tông được lưu hóa, với điều kiện các nguyên liệu này sử dụng cùng công nghệ dùng để xử lý da;

- Sản xuất yên đệm;

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (từ vải, da, nhựa);

- Sản xuất các đồ khác từ da hoặc da tổng hợp: Dây an toàn, túi...

- Sản xuất dây giày bằng da;

- Sản xuất roi da, roi nài ngựa;

- Sản xuất quần áo cho động vật bằng da.

Loại trừ:

- Sản xuất trang phục bằng da được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất găng tay và mũ da được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất giày, dép được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất yên xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo an toàn cho thợ điện và các dây đeo cho nghề nghiệp khác được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

152 - 1520 - 15200: Sản xuất giày, dép

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giày, dép cho mọi mục đích sử dụng, bằng mọi nguyên liệu, bằng mọi cách thức sản xuất bao gồm cả đổ khuôn;

- Sản xuất bộ phận của giày, dép: sản xuất mũi giày và bộ phận của mũi giày, đế trong và phần ngoài đế bằng bất cứ chất liệu nào (da, gỗ, nhựa, cao su,...);

- Sản xuất bao chân, xà cạp và các vật tương tự;

- Thêu, in gia công trên giày;

- Sản xuất guốc gỗ thành phẩm;

- Gia công đế giày bằng nguyên phụ liệu khác (xốp eva, giả da...).

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất bộ phận của giày, dép bằng gỗ, nhựa, cao su.

Loại trừ:

- Sản xuất giày, dép đan hoặc móc không có đế được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục đan móc);

- Sản xuất giày trượt tuyết, giày trượt băng được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất giày chỉnh hình được phân vào nhóm 3250 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng).

16: CHẾ BIẾN GỖ VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ GỖ, TRE, NỨA (TRỪ GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ); SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ RƠM, RẠ VÀ VẬT LIỆU TẾT BỆN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ như: gỗ xẻ, gỗ dán, lớp gỗ mặt (của gỗ dán), thùng đựng hàng bằng gỗ, gỗ làm sàn, gỗ làm dàn giáo và gỗ dựng nhà làm sẵn, sản xuất nhiên liệu rắn từ sinh khối thực vật và hoàn thiện các sản phẩm từ gỗ. Quá trình sản xuất bao gồm xẻ, bào, tạo khuôn, xẻ mỏng, lắp ráp sản phẩm gỗ bắt đầu từ gỗ tròn được cắt thành từng khúc hoặc tấm, sau đó được cắt nhỏ tiếp hoặc được định khuôn bằng tiện hoặc các dụng cụ tạo hình khác. Gỗ khúc hoặc gỗ đã định hình khác có thể được bào hoặc làm nhẵn và lắp ráp thành sản phẩm cuối cùng như thùng đựng hàng bằng gỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);

- Lắp đặt các thiết bị gỗ và đồ tương tự được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

161 - 1610: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

Nhóm này gồm: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

Loại trừ:

- Xẻ gỗ và sản xuất gỗ thô được phân vào nhóm 02200 (Khai thác gỗ).

- Sản xuất lớp gỗ mỏng dùng trong gỗ dán, gỗ ván và tấm panen được phân vào nhóm 16210 (Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác).

- Sản xuất ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc được phân vào nhóm 16220 (Sản xuất đồ gỗ xây dựng).

16101: Cưa, xẻ và bào gỗ

Nhóm này gồm:

- Cưa, xẻ, bào, chế biến và hoàn thiện gỗ;

- Cưa, xẻ, bào và gia công cắt gọt gỗ;

- Xẻ mỏng, bóc vỏ, đẽo bào gỗ;

- Sản xuất tà vẹt bằng gỗ;

- Sản xuất sàn gỗ chưa lắp ráp;

- Sản xuất sợi gỗ, mùn cưa, bột gỗ, vỏ bào, hạt gỗ ở ngoài rừng.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động chung về chế biến và hoàn thiện gỗ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng như: khoan, tiện, phay, bào, chà nhám, mài nghiền, chuốt, làm phẳng, cưa, mài thô, mài sắc, đánh bóng, hàn, nối,...

16102: Bảo quản gỗ

Nhóm này gồm:

- Làm khô gỗ;

- Xử lý gỗ bằng cách đơn giản như sơn gỗ, nhuộm màu gỗ hoặc chất bảo quản khác.

- Tẩm hoặc xử lý hóa chất gỗ;

- Tẩm hoặc xử lý hóa chất gỗ với chất bảo quản hoặc nguyên liệu khác.

162: Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện bao gồm dạng cơ bản cũng như các sản phẩm lắp ráp.

1621 - 16210: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như:

+ Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau),

+ Làm dưới dạng rời,

- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự;

- Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ;

- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng sợi gỗ;

- Sản xuất ván dăm định hướng (OSB) và ván dăm khác;

- Sản xuất ván sợi mật độ trung bình (MDF) và ván sợi khác;

- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ ghép chéo, gỗ trang trí ván mỏng.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất ván sợi cách nhiệt bằng gỗ hoặc bằng vật liệu có chất gỗ khác, có hoặc không liên kết bằng keo hoặc bằng các chất kết dính hữu cơ khác.

1622 - 16220: Sản xuất đồ gỗ xây dựng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng, cụ thể:

+ Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng,

+ Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng,

+ Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có hay không các phụ kiện bằng kim loại như bản lề, khoá...

+ Cầu thang, hàng rào chắn,

+ Ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc,

+ Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm.

- Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ;

- Sản xuất nhà gỗ di động;

- Sản xuất vách ngăn bằng gỗ (trừ loại độc lập).

Loại trừ:

- Sản xuất gỗ lắp sàn chưa lắp ráp được phân vào nhóm 1610 (Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ);

- Sản xuất tủ nhà bếp, tủ sách, tủ quần áo,... được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);

- Sản xuất vách ngăn bằng gỗ loại độc lập được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);

1623 - 16230: Sản xuất bao bì bằng gỗ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng gỗ, hòm, thùng thưa (sọt), thùng hình ống và các đồ đựng bằng gỗ tương tự;

- Sản xuất tấm nâng hàng, thùng nâng hàng và tấm nâng hàng khác bằng gỗ;

- Sản xuất thùng tròn, bình, chum và các sản phẩm thùng bằng gỗ khác;

- Sản xuất trống cuộn cáp bằng gỗ;

- Sản xuất quan tài bằng gỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ đựng hành lý bằng gỗ được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất thùng bằng vật liệu tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện).

1629: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

Loại trừ:

- Sản xuất chiếu, thảm từ nguyên liệu dệt được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất hòm đựng hành lý được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giày, dép bằng gỗ được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất bộ phận của giày, dép bằng gỗ được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất diêm được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất hộp đựng đồng hồ được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);

- Sản xuất ống chỉ, ống suốt của máy dệt được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);

- Sản xuất đồ chơi bằng gỗ được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất bàn chải và chổi được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất tráp nhỏ được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

16291: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể:

+ Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải,

+ Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo,

+ Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ,

+ Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ,

+ Hộp, tráp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ,

+ Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuốn chỉ, máy xâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ,

+ Các vật phẩm khác bằng gỗ.

- Sản xuất nhiên liệu rắn từ sinh khối thực vật;

- Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành;

- Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ;

- Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ;

- Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày);

- Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự;

- Sản xuất khối gỗ dùng để sản xuất tẩu thuốc lá;

- Tranh khắc bằng gỗ.

16292: Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm:

- Chế biến bấc tự nhiên và các sản phẩm từ bấc ép;

- Sản xuất các sản phẩm từ bấc tự nhiên hoặc bấc ép, bao gồm tấm phủ sàn;

- Sản xuất dây bện, sản phẩm tết bện như thảm chùi chân, chiếu, thùng, hộp và tấm chắn;

- Sản xuất đồ giỏ bằng liễu gai và các đồ bằng bấc;

- Sản xuất đồ lưu niệm như tranh, gạt tàn thuốc, hoa... làm bằng tre.

17: SẢN XUẤT GIẤY VÀ SẢN PHẨM TỪ GIẤY

Ngành này gồm:

Sản xuất bột giấy, giấy, các sản phẩm từ giấy và sản xuất các sản phẩm tái chế từ gỗ, giấy, bìa... Hoạt động sản xuất các sản phẩm này được tạo thành một dãy các hoạt động sản xuất liên kết với nhau theo chiều dọc. Một đơn vị độc lập thường tiến hành nhiều hơn một hoạt động. Việc sản xuất bột giấy liên quan đến tách sợi xenlulo từ hợp chất gỗ hoặc hòa tan và khử mực từ giấy đã sử dụng rồi trộn với một lượng nhỏ chất phụ gia để tăng cường sự liên kết của các sợi. Sản xuất giấy bao gồm ép các sợi thành tấm, bản. Các sản phẩm được làm từ giấy và các nguyên liệu khác bằng các kỹ thuật khác nhau. Các sản phẩm giấy có thể được in (báo tường, giấy gói quà)...

Sản xuất bột giấy, giấy và giấy bìa được phân vào nhóm 17010 (Sản xuất bột giấy, giấy và bìa).

170: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

1701 - 17010: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột giấy được tẩy trắng, tẩy trắng một phần hoặc chưa được tẩy trắng bằng cơ học, hóa học (hoà tan hoặc không hoà tan) hoặc xử lý hóa chất một phần;

- Sản xuất bột giấy từ xơ bông;

- Loại bỏ mực và sản xuất bột giấy từ giấy bỏ;

- Sản xuất giấy và giấy bìa với quy trình công nghệ cao;

- Chế biến giấy và giấy bìa như:

+ Sơn phủ, tẩm thấm giấy và giấy bìa,

+ Sản xuất giấy kếp,

+ Sản xuất giấy cán mỏng thành tấm từ giấy và bìa giấy.

- Sản xuất giấy thủ công;

- Sản xuất giấy báo và giấy để in ấn khác hoặc giấy viết;

- Sản xuất giấy sợi để chèn lót và giấy sợi xenlulo cuộn;

- Sản xuất giấy than hoặc giấy nền cuộn hoặc bản rộng.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy nhăn và giấy bìa được phân vào nhóm 1702 (Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa);

- Sản xuất các sản phẩm chế biến kỹ hơn từ giấy, giấy bìa, bột giấy được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất giấy được tráng, phủ hoặc tẩm thấm, trong đó tẩm thấm và tráng phủ là thành phần chính, được phân vào nhóm sản xuất các sản phẩm tẩm thấm, tráng phủ;

- Sản xuất giấy ráp được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất áo cứu đắm được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

1702: Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa

17021: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa giấy lót làn sóng (có nếp gấp để bảo quản đồ dễ vỡ như thủy tinh...);

- Sản xuất bao bì bằng bìa cứng như hộp các tông, thùng các tông,..;

- Sản xuất các bao bì khác bằng giấy và bìa;

- Sản xuất bao tải bằng giấy;

- Sản xuất hộp đựng tài liệu trong văn phòng và đồ tương tự.

Loại trừ: Sản xuất phong bì được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

17022: Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giấy nhăn và giấy bìa.

- Sản xuất bao bì bằng giấy nhăn hoặc bìa nhăn.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm từ bột giấy ép hoặc đúc được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

1709 - 17090: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như:

+ Giấy ăn, giấy lau chùi,

+ Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh,

+ Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy.

- Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh;

- Sản xuất giấy viết, giấy in;

- Sản xuất giấy in cho máy tính;

- Sản xuất giấy tự copy khác;

- Sản xuất giấy nến và giấy than;

- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;

- Sản xuất phong bì, bưu thiếp;

- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại;

- Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy;

- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt;

- Sản xuất nhãn hiệu;

- Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;

- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy;

- Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn;

- Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải;

- Sản xuất vàng mã các loại.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy hoặc bìa giấy với khổ lớn được phân vào nhóm 17010 (Sản xuất bột giấy, giấy và bìa);

- In trên sản phẩm giấy được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Sản xuất quân bài được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất trò chơi và đồ chơi bằng giấy hoặc bìa giấy được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

18: IN, SAO CHÉP BẢN GHI CÁC LOẠI

Ngành này gồm:

In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, thiếp chúc mừng, các mẫu văn bản thương mại và in trên vật liệu in; thực hiện hoạt động hỗ trợ liên quan như đóng sách, dịch vụ làm khuôn in và hình ảnh hóa dữ liệu. Các hoạt động hỗ trợ đề cập ở đây là phần không thể thiếu của ngành in và một sản phẩm (khuôn in, sách đóng bìa hoặc đĩa máy tính hoặc tệp) là một phần không thể thiếu của ngành in hầu như luôn được cung cấp bởi các hoạt động này.

Các quy trình được sử dụng trong hoạt động in bao gồm nhiều phương pháp chuyển một hình ảnh từ bản in, màn hình hoặc tệp máy tính sang vật liệu in như giấy, nhựa, kim loại, vật liệu dệt hoặc gỗ. Trong đó, phương pháp nổi bật nhất là việc chuyển hình ảnh từ bản in hoặc màn hình máy tính sang vật liệu in thông qua in thạch bản, in lõm, in lưới, in nổi). Thông thường, tệp tin máy tính được sử dụng để trực tiếp "điều khiển" cơ chế in để tạo hình ảnh hoặc thiết bị tĩnh điện và các loại thiết bị khác (in kỹ thuật số hoặc in không tiếp xúc).

In ấn và xuất bản có thể được thực hiện bởi cùng một đơn vị (ví dụ như một tờ báo).

Ngành này cũng gồm: Việc sao chép các phương tiện lưu trữ thông tin đã được ghi lại, như đĩa CD, bản ghi video, phần mềm trên đĩa hoặc băng, bản ghi.

Loại trừ:

- Hoạt động xuất bản được phân vào ngành 58 (Hoạt động xuất bản);

- Sản xuất các sản phẩm bằng máy in 3D được phân loại theo sản phẩm và vật liệu được sử dụng.

181: In ấn và dịch vụ liên quan đến in

Nhóm này gồm: In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, các mẫu văn bản thương mại, thiệp chúc mừng và in trên phương tiện truyền thông, cùng các hoạt động hỗ trợ như đóng gáy sách, dịch vụ làm đĩa và hình ảnh. In có thể được thực hiện bằng các kỹ thuật khác nhau và trên các vật liệu khác nhau.

1811 - 18110: In ấn

Nhóm này gồm:

- In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác, tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác, nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in ốp-sét, in nổi, in thạch bản và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy tính, in chạm nổi;

- In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm;

- Khắc laser trên vải;

- Các ấn phẩm in ấn được cấp bản quyền.

Nhóm này cũng gồm:

- In nhãn hiệu hoặc thẻ (in thạch bản, in bản kẽm, in nổi và in khác);

- In biển hiệu, miếng đế lót ly, ảnh;

- Hoạt động in quảng cáo.

Loại trừ:

- In trên vải dệt như một bước trung gian trong sản xuất vải dệt được phân vào nhóm 13130 (Hoàn thiện sản phẩm dệt);

- Sản xuất các sản phẩm bằng giấy như gáy sách được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Xuất bản các ấn phẩm in được phân vào nhóm 581 (Xuất bản sách, báo, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác);

- Khắc trên kim loại, thủy tinh, gỗ,… được phân vào nhóm tương ứng theo vật liệu được sử dụng;

- Hoạt động thiết kế quảng cáo được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);

- Hoạt động của máy photocopy như một dịch vụ tự phục vụ được phân vào nhóm 82100 (Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng).

1812 - 18120: Dịch vụ liên quan đến in

Nhóm này gồm: Các dịch vụ trước in, tiền chế bản, đóng sách in và các dịch vụ liên quan.

Bao gồm:

- Xếp chữ, sắp chữ, sắp chữ bằng ảnh, nhập dữ liệu trước khi in thành dạng phù hợp để sử dụng trong các quy trình in khác nhau và trình bày trong các phương tiện trực quan khác bao gồm quét và nhận dạng ký tự quang học, tô màu điện tử;

- Chuẩn bị các tệp dữ liệu cho các ứng dụng đa phương tiện (in trên giấy, CD-ROM, Internet);

- Dịch vụ chế bản in bao gồm sắp hình ảnh và sắp bản in (để in ốp-sét và in sắp chữ);

- Khắc chạm, khắc axit trên trục lăn cho khắc kẽm;

- Xử lý bản in: từ máy tính đến bản in (cũng bao gồm bản in nhựa);

- Chuẩn bị bản in và nhuộm nhằm làm giảm công việc in ấn và dán tem;

- Chuẩn bị các sản phẩm nghệ thuật bao gồm in thạch bản và mộc bản (phiến gỗ để làm các bản khắc);

- Chuẩn bị phương tiện trình bày;

- Chuẩn bị bản phác thảo, bố cục, bản vẽ mẫu…;

- In thử;

- Dịch vụ đóng sách, lắp mẫu và các dịch vụ sau in để hỗ trợ hoạt động in ấn, ví dụ như đóng sách thành quyển và hoàn thiện sách, tờ rơi, tạp chí, danh mục… bằng cách gấp, xếp, khâu, dán hồ, kiểm tra thứ tự (trang sách) và sắp xếp, khâu lược, dán bìa, tỉa, cắt xén, lắp ráp, đóng gáy lò xo, đóng gáy nhựa ,…;

- Đóng và hoàn thiện giấy in hoặc bìa cứng in bằng cách gấp, dập, khoan, đục, dập nổi, dán hồ, gắn keo để kết dính, cán màng...

- Dịch vụ hoàn thiện đĩa CD-ROM;

- Các dịch vụ hoàn thiện việc gửi thư, như: tùy chỉnh và chuẩn bị phong bì,…;

- Các hoạt động hoàn thiện in ấn khác như dập chìm hoặc dập nổi, sao chép chữ nổi…

Loại trừ: Thiết kế đồ họa nội dung trực quan để truyền đạt thông tin bằng cách in và các phương tiện khác được phân vào nhóm 74100 (Hoạt động thiết kế chuyên dụng).

182 - 1820 - 18200: Sao chép bản ghi các loại

Nhóm này gồm:

- Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc;

- Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc;

- Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.

Loại trừ:

- Sao chép các ấn phẩm in được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Xuất bản phần mềm được phân vào nhóm 582 (Xuất bản phần mềm);

- Sản xuất, hoạt động hậu kỳ và phân phối phim điện ảnh, đĩa video và phim trên đĩa DVD hoặc các phương tiện tương tự được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình), 5912 (Hoạt động hậu kỳ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình), 5913 (Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình);

- Sản xuất các bản gốc ghi âm hoặc các nguyên liệu âm thanh khác được phân vào nhóm 59130 (Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình);

- Sao chép phim điện ảnh để phân phối cho các rạp được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc).

19: SẢN XUẤT THAN CỐC, SẢN PHẨM DẦU MỎ TINH CHẾ

Ngành này gồm: Việc chuyển dầu thô và than đá thành các sản phẩm có thể sử dụng được. Quá trình sản xuất chủ yếu là tinh luyện dầu, bao gồm tách dầu thô thành các sản phẩm thành phần thông qua các kỹ thuật như cracking và chưng cất.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm có tính chất tương tự (ví dụ than đá, butan, propan, dầu, xăng...) cũng như các dịch vụ sản xuất (ví dụ tinh luyện truyền thống). Sản xuất khí như etan, propan, butan là các sản phẩm dầu tinh luyện.

Loại trừ:

Sản xuất các khí này ở các đơn vị khác, sản xuất hóa chất cơ bản được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản); sản xuất khí công nghiệp, 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản); chiết xuất từ khí tự nhiên (metan, etan, butan hoặc propan), 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên) và sản xuất khí nhiên liệu, không phải loại khí dầu mỏ, để cung cấp nhiên liệu khí qua mạng lưới cung cấp cố định (ví dụ khí than, khí nước, khí sản xuất), 35201 (Sản xuất khí đốt). Các đơn vị sản xuất hóa dầu từ dầu tinh luyện và sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng được phân vào ngành 20 (Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất).

191 - 1910 - 19100: Sản xuất than cốc

Nhóm này gồm:

- Điều hành các lò than cốc;
- Sản xuất than cốc và than nửa cốc;
- Sản xuất hắc ín và than cốc hắc ín;
- Sản xuất khí than cốc;
- Sản xuất than thô và nhựa than;
- Chưng cất than cốc.

Loại trừ: Sản xuất than bánh được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch).

192 - 1920 - 19200: Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch

Nhóm này gồm:

Sản xuất nhiên liệu lỏng hoặc nhiên liệu khí hoặc các sản phẩm khác từ dầu thô, khoáng bitum hoặc các sản phẩm phân đoạn của chúng. Tinh luyện dầu gồm một hoặc nhiều các hoạt động sau: phân đoạn, chưng cất thẳng từ dầu thô, cracking.

Cụ thể:

- Sản xuất nhiên liệu ô tô, máy bay…: xăng, dầu lửa...;

- Sản xuất nhiên liệu: Dầu nhiên liệu nặng, nhẹ, trung bình, khí tinh chế như etan, propan, butan...;

- Sản xuất dầu mỡ bôi trơn từ dầu, kể cả từ dầu thải;

- Sản xuất các sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường;

- Sản xuất các sản phẩm khác: cồn trắng, vaseline, sáp paraphin, nhớt...;

- Sản xuất các sản phẩm từ chất thải dầu mỏ, ví dụ như nhớt thải;

- Sản xuất than bánh từ than bùn;

- Sản xuất than bánh từ than non, than cốc;

- Sản xuất than bánh từ dầu mỏ;

- Trộn nhiên liệu sinh học, tức là trộn cồn với dầu hỏa.

Loại trừ:

- Sản xuất nhiên liệu rắn từ sinh khối được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Khai thác và sản xuất khí đốt tự nhiên được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên).

20: SẢN XUẤT HÓA CHẤT VÀ SẢN PHẨM HÓA CHẤT

Ngành này gồm:

Việc chuyển các nguyên liệu thô hữu cơ và vô cơ bằng quá trình hóa học để hình thành sản phẩm. Ở đây có phân biệt hoạt động sản xuất các hóa chất cơ bản tạo thành nhóm ngành đầu tiên từ sản xuất các sản phẩm trung gian và cuối cùng được sản xuất bằng quy trình chế biến sâu hơn tạo thành các nhóm ngành còn lại.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng.

201: Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản, phân bón và các hợp chất ni tơ cũng như nhựa, cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

2011: Sản xuất hóa chất cơ bản

Nhóm này gồm: Sản xuất hóa chất sử dụng các quy trình cơ bản, như: phản ứng chưng cất và nhiệt cracking. Sản lượng của các quy trình này thường được tạo ra bởi các nguyên tố hóa học khác nhau hoặc bởi các hợp chất hóa học được xác định rõ tính chất hóa học riêng biệt.

20111: Sản xuất khí công nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí y học và công nghiệp vô cơ dạng lỏng hoặc nén:

+ Khí cơ bản,

+ Không khí nén hoặc lỏng,

+ Khí làm lạnh,

+ Khí công nghiệp hỗn hợp,

+ Khí trơ như các bon đi ôxít,

+ Khí phân lập.

20112: Sản xuất chất nhuộm và chất màu

Nhóm này bao gồm: Sản xuất thuốc nhuộm, chất nhuộm từ bất kì nguồn nào dưới dạng cơ bản hoặc cô đặc.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm cùng loại sử dụng như chất làm sáng huỳnh quang.

20113: Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Sản xuất các nguyên tố hóa học;

- Sản xuất axít vô cơ trừ axít nitơríc;

- Sản xuất chất kiềm, dung dịch kiềm và các chất bazơ vô cơ khác trừ amoniac;

- Sản xuất nước chưng cất;

- Sản xuất các hợp chất vô cơ khác.

Nhóm này cũng gồm:

- Làm giàu quặng Uranium và Thorium;

- Sản xuất liti hydroxit;

20114: Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Axylic hidrocacbon, bão hoà hoặc chưa bão hoà;

- Xylic hidrocacbon, bão hoà hoặc chưa bão hoà;

- Rượu axylic và xylic;

- Rượu etylic, trừ nhiên liệu sinh học ethanol;

- Axit cacbonxylic đơn hoặc đa phân tử, bao gồm axit axetic;

- Các hợp chất chứa oxy khác bao gồm andehyt, xeton, quặng quino và hợp chất ôxi đa chức hoặc lưỡng chức;

- Glyxerin tổng hợp;

- Hợp chất hữu cơ chứa ni tơ, bao gồm amin;

- Sự lên men đường, ngũ cốc hoặc những thứ tương tự để sản xuất ra rượu cồn và este;

- Các hợp chất hữu cơ khác.

20119: Sản xuất hóa chất cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Nung quặng pirít sắt;

- Lưu huỳnh các loại, trừ lưu huỳnh thăng hoa, lưu huỳnh kết tủa và lưu huỳnh dạng keo;

- Sản xuất khí metan không dùng để cung cấp nhiên liệu khí thông qua mạng lưới cung cấp cố định;

- Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng);

- Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao và các sản phẩm tương tự.

- Chưng cất nhựa than đá.

Loại trừ:

- Chiết xuất etan, metan, butan, propan được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Khai thác khí tự nhiên, chủ yếu là khí metan được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Sản xuất khí metan để cung cấp nhiên liệu khí thông qua mạng lưới cung cấp cố định được phân vào nhóm 3520 (Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống);

- Hóa lỏng và tái hóa khí tự nhiên nhằm mục đích vận chuyển, được thực hiện tại khu vực mỏ được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Sản xuất ga nhiên liệu như etan, butan hoặc propan trong nhà máy lọc dầu mỏ được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);

- Sản xuất phân đạm và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni clorua được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất ni tơ và kali nitơrát được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni cacbonat được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất nhựa nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Sản xuất thuốc nhuộm được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít);

- Sản xuất glyxerin thô được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);

- Sản xuất tinh dầu tự nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng, ví dụ như nhiên liệu sinh học ethanol được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất ethanol từ sinh khối được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất salixilic và ô-axít axetyl salicilic được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu).

2012 - 20120: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất phân bón như:

+ Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali,

+ Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên.

- Sản xuất sản phẩm có chứa ni tơ như: Axit nitơric và sunphua nitơric, amoni, amoni clorua, amoni cacbonat, kali nitơrat.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đất có than bùn làm thành phần chính;

- Sản xuất đất là hỗn hợp của đất tự nhiên, cát, cao lanh và khoáng;

- Sản xuất than tổ ong;

- Sản xuất than trấu, than thiêu kết;

- Sản xuất chất kích thích sinh trưởng;

- Sản xuất hóa chất kích thích tăng trưởng;

- Sản xuất chất cải tạo đất;

- Sản xuất phân bón khác bằng cách pha trộn hoặc xử lý hóa học các sản phẩm động vật hoặc thực vật.

Loại trừ:

- Khai thác phân chim được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón);

- Sản xuất sản phẩm hóa học nông nghiệp, như thuốc trừ sâu được phân vào nhóm 20210 (Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp);

- Sản xuất vật liệu bón vôi được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu).

2013: Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Sản xuất nhựa thông, nguyên liệu nhựa và chất đàn hồi nhựa dẻo không lưu hóa nhiệt, chất hỗn hợp và nhựa thông pha trộn theo phương pháp thông thường cũng như sản xuất nhựa thông tổng hợp không theo định dạng.

Loại trừ:

- Sản xuất tơ và sợi nhân tạo và tổng hợp được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);

- Xử lý việc rửa sạch, cắt nhỏ, nghiền, nung chảy rác thải nhựa được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Ép viên nhựa để sản xuất nguyên vật liệu thứ cấp được sử dụng làm ống, chậu hoa, kệ kê hàng và các sản phẩm tương tự được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Phân loại, làm sạch, băm, nghiền, ép viên rác thải cao su được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

20131: Sản xuất plastic nguyên sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất plastic dạng nguyên sinh:

+ Polyme, bao gồm polyme tổng hợp từ etylen, propylen, xtiren, vinyl clorua, vinyl axetat và axit acrilic,

+ Polyamit,

+ Nhựa thông epoxit, phenolic và pôliurêtan,

+ Alkil, nhựa thông pôliexte và pôliexte,

+ Silicon,

+ Chất trao đổi ion trên polyme.

- Sản xuất bột, hạt hoặc mảnh nhựa bằng cách trộn hoặc tái chế nhựa tổng hợp từ rác thải nhựa được thu hồi;

- Sản xuất nhựa tái chế bằng cách tách hoặc ép thành viên rác thải nhựa được xử lý sơ bộ theo cơ sở thu hồi vật liệu;

- Nấu chảy lại nhựa để tái chế thành dạng hạt hoặc hợp chất.

20132: Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh:

+ Cao su tổng hợp,

+ Cao su nhân tạo.

- Sản xuất hỗn hợp cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên hoặc keo dính giống cao su (ví dụ nhựa lấy ở cây dùng làm chất cách điện).

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất xenlulo và các dẫn xuất hóa học của chúng.

202: Sản xuất sản phẩm hóa chất khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm hóa chất như: Sơn, mực, xà phòng, chất tẩy rửa, nước hoa và chế phẩm vệ sinh, các sản phẩm hóa học dùng cho ngành ảnh (bao gồm giấy ảnh và phim), các chế phẩm chẩn đoán tổng hợp.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng;

- Sản xuất chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử.

2021 - 20210: Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ,...;

- Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây;

- Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác);

- Sản xuất các sản phẩm hóa nông khác chưa phân vào đâu.

Loại trừ: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ).

2022: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít

20221: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít

Nhóm này gồm:

- Sản xuất sơn và véc ni, men, sơn mài;

- Sản xuất chất nhuộm và chất nhuộm chế sẵn, thuốc màu;

- Sản xuất men tráng trên sản phẩm thủy tinh và men sành, men đánh bóng và các chất tương tự;

- Sản xuất sơn ma tít;

- Sản xuất hợp chất dùng để bít, trét, hàn và các chất tương tự dùng để hàn các vật không chịu nhiệt hoặc các chất pha chế trang trí mặt ngoài;

- Sản xuất hợp chất dung môi hữu cơ dùng để pha chế sơn, vec ni;

- Sản xuất dung môi tẩy rửa sơn, vec ni.

20222: Sản xuất mực in

Nhóm này gồm: Sản xuất mực in.

Loại trừ:

- Sản xuất chất màu, thuốc nhuộm được phân vào nhóm 20112 (Sản xuất chất nhuộm và chất màu);

- Sản xuất mực viết và mực vẽ được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu).

2023: Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

20231: Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa

Nhóm này gồm:

- Nước hoa và nước vệ sinh;

- Chất mỹ phẩm và hóa trang;

- Chất chống nắng và chống rám nắng;

- Thuốc chăm sóc móng tay, móng chân;

- Dầu gội đầu, keo xịt tóc, thuốc làm sóng tóc và ép tóc;

- Kem đánh răng và chất vệ sinh răng miệng, bao gồm chế phẩm cố định răng giả;

- Thuốc cạo râu, bao gồm thuốc dùng trước và sau khi cạo râu;

- Chất khử mùi và muối tắm;

- Thuốc làm rụng lông.

20232: Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xà phòng dạng bánh;

- Sản xuất giấy, đồ bông, nỉ để chèn lót... được tráng hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy rửa;

- Sản xuất glixerin thô;

- Sản xuất chất hoạt động bề mặt như:

+ Bột giặt dạng lỏng hoặc cứng và chất tẩy rửa,

+ Nước rửa bát,

+ Nước xả quần áo và chất làm mềm vải.

- Sản xuất sản phẩm tẩy rửa và đánh bóng:

+ Chế phẩm để tạo mùi thơm hoặc khử mùi phòng,

+ Chất tẩy nhân tạo, tẩy lông,

+ Chất đánh bóng và xi cho sản phẩm da,

+ Chất đánh bóng dùng cho gỗ,

+ Chất đánh bóng cho thủy tinh, kim loại;

+ Bột nhão hoặc bột khô để lau chùi các sản phẩm bao gồm: Giấy, đồ chèn lót, đồ nỉ, dạ, phớt, bông.

Loại trừ:

- Sản xuất hợp chất hóa học phân tách được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác);

- Sản xuất glyxerin, các sản phẩm tổng hợp từ dầu mỏ được phân vào nhóm 20114 (Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác);

- Chiết xuất và tinh luyện từ dầu thiên nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu).

2029 - 20290: Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại bột thuốc nổ;

- Sản xuất các sản phẩm pháo hoa, chất nổ, bao gồm ngòi nổ, pháo sáng...

- Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin;

- Sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su;

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;

- Sản xuất chất giống nhựa;

- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;

- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;

- Sản xuất chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử;

- Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác;

- Sản xuất hóa chất dùng để làm ảnh;

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác như:

+ Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất protein khác và dẫn xuất của chúng,

+ Tinh dầu,

+ Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hóa học,

+ Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da,

+ Bột và bột nhão sử dụng trong hàn,

+ Sản xuất chất để tẩy kim loại,

+ Sản xuất chất phụ gia cho xi măng,

+ Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp,

+ Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng,

+ Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác;

- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng;

- Sản xuất mực viết và mực vẽ;

- Sản xuất diêm;

- Sản xuất hương các loại, ví dụ: hương vòng, hương que...

- Sản xuất meo nấm.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất với khối lượng lớn được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản);

- Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác);

- Sản xuất các sản phẩm hương liệu tổng hợp được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản);

- Sản xuất mực in được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít);

- Sản xuất nước hoa và nước vệ sinh được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);

- Sản xuất chất kết dính từ nhựa đường được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

203 - 2030 - 20300: Sản xuất sợi nhân tạo

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tơ, lanh nhân tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất sợi nhân tạo hoặc tổng hợp chưa được chải hoặc chế biến khác cho quá trình quay sợi;

- Sản xuất chỉ, tơ nhân tạo hoặc tổng hợp, bao gồm chỉ có độ dai cao;

- Sản xuất đa sợi tổng hợp hoặc nhân tạo;

- Sản xuất sợi tái chế.

Loại trừ:

- Quay sợi tổng hợp hoặc nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi);

- Sản xuất chỉ từ sợi nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi);

- Sản xuất sợi các-bon được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

21: SẢN XUẤT THUỐC, HÓA DƯỢC VÀ DƯỢC LIỆU

210 - 2100: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm dược liệu cơ bản và các chế phẩm dược, sản xuất sản phẩm thuốc và hóa dược.

Loại trừ:

- Sản xuất chế men vi sinh (probiotic) được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất cỏ làm thuốc (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn dược phẩm được phân vào nhóm 4649 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình);

- Bán lẻ dược phẩm được phân vào nhóm 4772 (Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh);

- Đóng gói các sản phẩm dược được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói);

- Sản xuất chất hàn răng, sản xuất xi măng hàn răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);

- Nghiên cứu và phát triển ngành dược và công nghệ sinh học được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật).

21001: Sản xuất thuốc các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuốc như:

+ Huyết thanh và các thành phần của máu,

+ Vắc xin,

+ Các loại thuốc khác, bao gồm thuốc vi lượng đồng căn.

- Sản xuất thuốc tránh thai uống và đặt;

- Sản xuất thuốc chẩn đoán, bao gồm thử thai;

- Sản xuất thuốc chẩn đoán hoạt phóng xạ;

- Sản xuất dược phẩm công nghệ sinh học.

21002: Sản xuất hóa dược và dược liệu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất chất hoạt động thuốc được sử dụng cho dược liệu trong sản xuất dược phẩm: Thuốc kháng sinh, vitamin cơ bản, salixilic và axit O-axetinsalixilic...

- Sản xuất hóa dược.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đường hóa học tinh luyện;

- Chế biến tuyến và sản xuất chiết xuất tuyến;

- Sản xuất băng gạc y tế, bông tẩm thuốc, chỉ sinh học, đồ băng bó...;

- Sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng làm thuốc (nghiền, tán...).

22: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ CAO SU VÀ PLASTIC

Ngành này gồm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và nhựa. Ngành này có đặc trưng là dùng nguyên liệu thô trong sản xuất. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tất cả các sản phẩm làm từ các nguyên liệu này được xếp vào hoạt động này.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu composite, trong đó chất dẻo là nguyên liệu chủ yếu.

221: Sản xuất sản phẩm từ cao su

2211 - 22110: Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su

Nhóm này gồm: Sản xuất lốp cao su cho xe thô sơ, thiết bị, máy di động, máy bay, đồ chơi, đồ đạc và các mục đích sử dụng khác như:

+ Lốp bơm hơi,

+ Lốp đặc hoặc có lót đệm.

- Sản xuất săm;

- Sản xuất ta lông lốp xe có thể thay được vành lốp xe, sản xuất các tấm cao su dùng để đắp lại lốp cũ;

- Đắp lại lốp cũ, thay các tấm cao su trên các lốp xe hơi.

Loại trừ:

- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa săm được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sửa chữa săm và lốp, vá hoặc thay được phân vào nhóm 95310 (Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác).

2219 - 22190: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hóa hoặc đã lưu hóa hoặc đã làm cứng như:

+ Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su,

+ Ống, vòi cao su,

+ Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su,

+ Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: Dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng,

+ Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu),

+ Tấm phủ sàn bằng cao su,

+ Cáp và sợi cao su,

+ Sợi cao su hóa,

+ Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su,

+ Trục cán bằng cao su,

+ Đệm hơi cao su,

+ Sản xuất bóng bay.

- Sản xuất chổi cao su;

- Sản xuất ống cao su cứng;

- Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự;

- Sản xuất khe co giãn cao su (hay còn gọi là khớp nối giãn nở) dùng trong ngành xây dựng;

- Sản xuất cao su xốp.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su;

- Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính;

- Đệm nước cao su;

- Túi tắm bằng cao su;

- Quần áo lặn bằng cao su;

- Các vật dùng trong sinh hoạt tình dục bằng cao su.

- Sản xuất thảm từ cao su;

- Sản xuất trang phục từ mủ cao su.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm sợi dệt cho lốp xe được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo bằng sản phẩm dệt co dãn được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất giày, dép cao su được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất keo dán từ cao su được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất tấm trải lưng cho lạc đà được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);

- Sản xuất thuyền và mảng bơm hơi được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi) và nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí);

- Sản xuất đồ dùng trong thể thao bằng cao su, trừ quần áo được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất các chương trình trò chơi và đồ chơi bằng cao su (bao gồm thuyền cao su bơm hơi cho trẻ em, con thú bơm hơi bằng cao su, bóng và các đồ tương tự) được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Tái chế cao su được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

222 - 2220: Sản xuất sản phẩm từ plastic

22201: Sản xuất bao bì từ plastic

Nhóm này gồm:

Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa.

22209: Sản xuất sản phẩm khác từ plastic

Nhóm này gồm:

Chế biến chất dẻo mới hoặc nhựa đã dùng thành các sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm cuối cùng sử dụng các hoạt động như khuôn nén; đẩy nén, thổi nén, phun nén và cắt. Đối với tất cả các quá trình trên, quá trình sản xuất là quá trình tạo ra nhiều loại sản phẩm.

Cụ thể:

- Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không);

- Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như: Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa;

- Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, mành, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt.

- Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa;

- Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính;

- Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum;

- Sản xuất đá nhân tạo;

- Sản xuất băng keo;

- Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hóa như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, hộp đựng xì gà và thuốc lá bằng nhựa, lược, lô cuốn tóc và các đồ khác.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động chung để xử lý và hoàn thiện các sản phẩm từ plastic thường được thực hiện trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

Loại trừ:

- Sản xuất túi nhựa được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giày, dép nhựa được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất nhựa dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Sản xuất đồ dùng bằng cao su tổng hợp hoặc thiên nhiên được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất nội thất nhựa được phân vào nhóm 31090 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);

- Sản xuất đệm nhựa dạng tổ ong không phủ được phân vào nhóm 31090 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);

- Sản xuất đồ dụng cụ thể thao nhựa được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất đồ chơi, chương trình trò chơi nhựa được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất thiết bị nha khoa và y khoa bằng nhựa được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);

- Sản xuất các thiết bị quang học bằng nhựa được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ y tế, nha khoa);

- Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ an toàn cá nhân khác bằng nhựa được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

23: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KHOÁNG PHI KIM LOẠI KHÁC

Ngành này gồm: Các hoạt động sản xuất khác nhau liên quan đến đơn chất của khoáng. Hoạt động sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh (ví dụ tấm thủy tinh, thủy tinh rỗng, sợi thủy tinh...) và sản phẩm gốm, sản phẩm đất sét nung, xi măng, bê tông và thạch cao từ các nguyên liệu thô thành sản phẩm hoàn thiện. Tạo dáng, hoàn thiện đá và các sản phẩm khoáng khác cũng được phân vào ngành này.

Ngành này cũng gồm: Sản xuát các sản phẩm từ vật liệu composite, trong đó thủy tinh và khoáng phi kim loại như cát, sỏi, đá hoặc đất sét là vật liệu chủ yếu.

231 - 2310: Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh

Nhóm này gồm:

Hoạt động sản xuất thủy tinh ở mọi loại hình, mọi phương thức và tất cả các sản phẩm như:

23101: Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất kính phẳng, bao gồm kính phẳng có dây, kính phẳng màu;

- Tạo hình và gia công kính phẳng;

- Sản xuất kính phẳng cường lực hoặc kính phẳng nhiều lớp;

- Sản xuất gạch lát sàn thủy tinh;

- Sản xuất gương thủy tinh;

- Sản xuất các tấm kính cách nhiệt nhiều lớp.

23102: Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất chai và các vật đựng khác bằng thủy tinh;

- Sản xuất ly uống và các đồ thủy tinh khác hoặc các đồ pha lê;

- Sản xuất thủy tinh dạng ống và dạng que.

23103: Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh

Sản xuất sợi thủy tinh, bao gồm bông thủy tinh và các sản phẩm không dệt từ sợi thủy tinh.

23109: Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh

- Sản xuất đồ thủy tinh dùng trong phòng thí nghiệm, vệ sinh hoặc dược phẩm;

- Sản xuất đồ thủy tinh để làm đồng hồ đeo tay và để bàn, đồ thủy tinh để làm thiết bị quang học;

- Sản xuất đồ thủy tinh trong đồ trang sức;

- Sản xuất vật cách điện bằng thủy tinh và phụ kiện cách điện bằng thủy tinh;

- Sản xuất vỏ bọc thủy tinh cho bóng đèn;

- Sản xuất tượng bằng thủy tinh.

Loại trừ:

- Sản xuất vải được dệt từ sợi thủy tinh được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất các sản phẩm quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất sợi quang học và sợi cáp quang để truyền hình ảnh động được phân vào nhóm 27310 (Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học);

- Sản xuất đồ chơi thủy tinh được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất ống tiêm và các thiết bị phòng thí nghiệm y tế khác được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

239: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất các sản phẩm cuối cùng hoặc trung gian từ các khoáng phi kim được khai thác như cát, sỏi, cao lanh.

2391 - 23910: Sản xuất sản phẩm chịu lửa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vữa, bê tông, xi măng chịu lửa;

- Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa như:

+ Đồ gốm sứ cách nhiệt từ nguyên liệu hóa thạch silic,

+ Gạch, ngói chịu lửa,

+ Sản xuất bình, nồi, vòi, ống.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất sản phẩm chịu lửa có chứa magiê oxit, magiê oxit và canxi oxit, crômit.

2392 - 23920: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

Nhóm này gồm:

- Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm;

- Sản xuất đá phiến và đá lát thềm không chịu lửa;

- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm...;

- Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2393 - 23930: Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bộ đồ ăn bằng gốm sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;

- Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm sứ khác;

- Sản xuất các vật liệu cách điện và các đồ đạc cách điện bằng gốm sứ;

- Sản xuất nam châm gốm/ferit;

- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, hóa học và công nghiệp;

- Sản xuất chai, lọ, bình và các sản phẩm tương tự bằng gốm sứ được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa;

- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm sứ;

- Sản xuất thiết bị vệ sinh cố định bằng gốm sứ.

- Sản xuất các sản phẩm bằng gốm sứ chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất hàng hóa bằng gốm chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm được phân vào nhóm 23920 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét);

- Sản xuất nam châm vĩnh cửu bằng kim loại được phân vào nhóm 25999 (Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất đồ nữ trang giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ chơi bằng gốm được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất răng giả được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2394: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xỉ và xi măng supe phốt phát;

- Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước;

- Sản xuất dolomit can xi;

- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phát can xi.

Loại trừ:

- Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất các sản phẩm từ thạch cao được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông hỗn hợp khô và vữa được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất xi măng dùng cho nghề chữa răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

23941: Sản xuất xi măng

Nhóm này gồm: Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xỉ và xi măng supe phốt phát.

23942: Sản xuất vôi

Nhóm này gồm: Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước.

23943: Sản xuất thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dolomit can xi;

- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phát can xi.

2395 - 23950: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống...

- Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo;

- Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: dạng tấm, bảng, thanh;

- Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác;

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như: Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vòi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ;

- Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo;

- Sản xuất vữa bột;

- Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.

Loại trừ: Sản xuất xi măng và vữa chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2396 - 23960: Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá

Nhóm này gồm:

- Cắt, tạo dáng, hoàn thiện sản phẩm đá sử dụng trong xây dựng, trong nghĩa trang, đường xá và lợp mái;

- Sản xuất đồ gia dụng bằng đá;

- Làm mộ bia.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất mặt bàn bằng đá.

Loại trừ:

- Các hoạt động do các nhà điều hành mỏ đá thực hiện, ví dụ sản xuất cắt đá thô được phân vào nhóm 0810 (Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét);

- Sản xuất đá nghiền, đá mài và các sản phẩm tương tự được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

2399 - 23990: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có khung, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay;

- Sản xuất bột mài, hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác;

- Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày, dép, giấy, dây bện, dây thừng...

- Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô;

- Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm;

- Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện);

- Sản xuất các sản phẩm từ asphát và nguyên liệu tương tự, ví dụ: nhựa đường, xỉ than;

- Sản xuất sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện);

- Sản xuất corundun nhân tạo.

Nhóm này cũng gồm:

- Nung cao lanh;

- Sấy khô và nghiền đất sét thành bột đất sét.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm từ sợi thủy tinh dệt và không dệt được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh);

- Sản xuất miếng đệm các bon và graphite được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác).

24: SẢN XUẤT KIM LOẠI

Ngành này gồm:

Các hoạt động nung chảy, tinh luyện kim loại màu và kim loại đen từ quặng, các mảnh nhỏ, rác thải sử dụng quá trình xử lý điện kim và các kỹ thuật luyện kim khác. Các đơn vị trong nhóm này cũng sản xuất hợp kim kim loại và siêu hợp kim bằng cách cho thêm các chất hóa học vào kim loại nguyên chất. Đầu ra của hoạt động cán, nung chảy, tinh luyện thường ở dạng thỏi được dùng trong lăn, kéo, đẩy thành tấm, thanh, bản, dây và ở dạng nấu chảy để tạo thành khuôn và kim loại cơ bản khác.

241 - 2410 - 24100: Sản xuất sắt, thép, gang

Nhóm này gồm:

Các hoạt động như chiết xuất trực tiếp từ quặng sắt, sản xuất thép xỉ dạng nung chảy hoặc dạng cứng; chuyển xỉ thép thành thép; sản xuất hợp kim của sắt (hợp

kim ferro), sản xuất thép, sản xuất tấm (ví dụ đĩa, tấm, bảng, dây) và sản xuất thép dạng thỏi, ống như:

- Điều hành lò luyện kim, máy cán, kéo thép và hoàn thiện;

- Sản xuất xỉ thép, sản xuất gang thành xỉ, tấm và các dạng ban đầu khác;

- Sản xuất hợp kim sắt;

- Sản xuất các sản phẩm kim loại đen bằng cách chiết giảm trực tiếp sắt và các sản phẩm bột kim loại đen khác, sản xuất thép từ tinh lọc bằng quá trình điện phân hoặc hóa học khác;

- Sản xuất sắt dạng hột và dạng bột;

- Sản xuất thép dạng thỏi hoặc các dạng nguyên sinh khác;

- Sản xuất sản phẩm thép bán hoàn thiện;

- Sản xuất các sản phẩm thép cuộn nóng, cuộn nguội và cuộn phẳng;

- Sản xuất thanh thép cuộn nóng;

- Sản xuất thép cán nóng tiết diện mở;

- Sản xuất thanh thép và các mặt cắt cứng từ thép bằng cách kéo nguội, nghiền hoặc quay;

- Sản xuất các mặt cắt mở bằng cách tạo khuôn nguội cuộn hoặc gấp nếp các sản phẩm thép cuộn phẳng;

- Sản xuất dây thép bằng cách kéo hoặc dãn nguội;

- Sản xuất tấm thép và các mặt cắt mở thép hàn;

- Sản xuất các vật liệu đường ray tàu hỏa (đường sắt chưa lắp) bằng thép;

- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách cuộn nóng, kéo nóng hoặc cuộn nguội, kéo nguội;

- Sản xuất các ống thép hàn bằng cách đổ khuôn nóng hoặc nguội và hàn, hoặc có được bằng cách xử lý thêm bằng kéo nguội hoặc cuộn nguội hoặc bằng cách đổ khuôn nóng, hàn;

- Sản xuất các thiết bị nối ống thép như mép phẳng và mép có vòng đệm, các mối nối hàn.

Loại trừ:

- Sản xuất khuôn đổ ống thép và các đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt, thép);

- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách đúc li tâm được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt, thép);

- Sản xuất đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt, thép).

242 - 2420: Sản xuất kim loại quý và kim loại màu

24201: Sản xuất kim loại quý

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như: vàng, bạc, bạch kim... từ quặng hoặc kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim quý;

- Sản xuất sản phẩm sơ chế từ kim loại quý;

- Sản xuất bạc được cán vào kim loại cơ bản;

- Sản xuất vàng được cán vào kim loại cơ bản hoặc bạc;

- Sản xuất platinum và kim loại nhóm platinum được cán vào vàng, bạc và kim loại cơ bản;

- Sản xuất lá dát kim loại quý;

- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

24202: Sản xuất kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất nhôm từ alumin;

- Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim nhôm;

- Sơ chế nhôm;

- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ quặng;

- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ tinh chế điện phân chất thải chì, kẽm, thiếc và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim chì, kẽm và thiếc;

- Sơ chế chì, kẽm và thiếc;

- Sản xuất đồng từ quặng;

- Sản xuất đồng từ tinh chế điện phân chất thải đồng và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim đồng;

- Sản xuất dây cầu chì;

- Sơ chế đồng;

- Sản xuất crôm, măng gan, ni ken... từ tinh chế điện phân và nhôm của chất thải crôm, măng gan, ni ken... và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim crôm, măng gan, ni ken...

- Sơ chế crôm, măng gan, ni ken...

- Sản xuất các chất từ ni ken...

- Xử lý nhiên liệu hạt nhân.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất dây của những kim loại trên bằng cách kéo;

- Sản xuất ôxit nhôm (Alumina);

- Sản xuất kim loại bọc nhôm;

- Sản xuất lá dát nhôm (thiếc) được làm từ lá nhôm (thiếc) là vật liệu chính.

Loại trừ: Đúc kim loại màu được phân vào nhóm 24320 (Đúc kim loại màu).

243: Đúc kim loại

Nhóm này gồm: Hoạt động của các xưởng đúc sử dụng các quy trình đúc khác nhau để sản xuất vật đúc bằng tất cả các hợp kim kim loại đen và kim loại màu. Ngành này bao gồm việc cắt tỉa hoặc loại bỏ cặn sau khi đúc nhưng không bao gồm việc xử lý tiếp theo.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất vật đúc dùng trong các ngành công nghiệp khác nhau.

Loại trừ:

- Sản xuất các sản phẩm thu được từ các quá trình sản xuất mà không phải từ quá trình đúc, ví dụ: rèn, ép, kéo, dập các bộ phận, các vòng cán, các sản phẩm luyện kim bột,... được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị).

- Sản xuất sản phẩm khuôn đúc thành phẩm bằng cách xử lý thêm các sản phẩm đúc như:

- Nồi hơi và lò được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);

- Các chi tiết khuôn đúc gia dụng được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

2431 - 24310: Đúc sắt, thép

Nhóm này gồm:

Các hoạt động của các xưởng đúc sắt và thép như:

- Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm;
- Đúc khuôn sắt;
- Đúc khuôn sắt graphit hình cầu;
- Đúc khuôn sắt dát mỏng;
- Đúc khuôn thép bán thành phẩm;
- Đúc khuôn thép;
- Sản xuất ống, vòi và các đồ làm mối nối bằng sắt đúc;
- Sản xuất ống thép không mối nối và ống thép qua đúc li tâm;
- Sản xuất đồ làm mối nối ống, vòi bằng thép đúc.

2432 - 24320: Đúc kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Khuôn sản phẩm sơ chế từ nhôm, magiê, titan, kẽm...;
- Đúc khuôn kim loại nhẹ;
- Đúc khuôn kim loại nặng;
- Đúc khuôn kim loại quý;
- Đúc khuôn kim loại màu.

25: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KIM LOẠI ĐÚC SẴN (TRỪ MÁY MÓC, THIẾT BỊ)

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm kim loại nguyên chất (như một phần kim loại, thùng hòm và các công trình xây dựng) thường là với chức năng tĩnh, cố định, chứ không phải theo ngành 26 - 30, là toàn bộ hoạt động sản xuất phối kết hợp hoặc quá trình lắp ráp các sản phẩm kim loại đó (thỉnh thoảng với một số kim loại khác) thành các đơn vị phức tạp trừ khi chúng là các công trình xây dựng

với việc di dời từng phần hoàn toàn bằng điện hoặc quang học. Hoạt động sản xuất vũ khí và đạn dược cũng được phân vào ngành này.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu composite, trong đó kim loại là vật liệu chủ yếu.

Loại trừ:

- Hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, sản phẩm kim loại đúc sẵn được phân vào nhóm 331 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn);

- Lắp đặt máy móc, thiết bị chuyên dụng được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

251: Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi

Nhóm này gồm: Sản xuất các cấu kiện kim loại (như khung kim loại hoặc các bộ phận của cấu trúc xây dựng), cũng như các đồ vật loại hòm, thùng bằng kim loại (như thùng, bể chứa,...) và lò hơi nước.

2511 - 25110: Sản xuất các cấu kiện kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);

- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);

- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...;

- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng;

- Vách ngăn phòng bằng kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận của tàu thủy hoặc tàu chạy bằng sức nước được phân vào nhóm 25130 (Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm));

- Sản xuất các bộ phận của đường ray tàu hỏa được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất các bộ phận của tàu thủy được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi).

2512 - 25120: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại, có lót hoặc không lót hoặc cách nhiệt;

- Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt.

Loại trừ:

- Sản xuất tôn, thùng hình trống, can, bình, bi đông, hộp... ở dạng thường được sử dụng để mang hoặc đóng gói hàng hóa, có dung tích không quá 300 lít được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thùng chứa cho vận tải được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);

- Sản xuất xe tăng (xe bọc thép) được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

2513 - 25130: Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bộ tản nhiệt cho hệ thống sưởi trung tâm, không sử dụng điện;

- Sản xuất lò hơi nước;

- Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như: Bộ tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị quá nhiệt, bình góp hơi...;

- Sản xuất thiết bị ngưng tụ;

- Sản xuất lò phản ứng nguyên tử, trừ tách chất đồng vị;

- Sản xuất nồi hơi hàng hải, nồi hơi điện.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ tua bin hơi nước được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất lò nướng điện và máy đun nước nóng được phân vào nhóm 2750 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị sưởi ấm gia đình được phân vào nhóm 28150 (Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung);

- Sản xuất tách chất đồng vị được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

252 - 2520 - 25200: Sản xuất vũ khí và đạn dược

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vũ khí hạng nặng (trọng pháo, súng cơ động, tên lửa bazuka, ngư lôi, súng máy hạng nặng,...);

- Sản xuất vũ khí nhỏ (súng lục ổ quay, súng ngắn, súng máy hạng nhẹ,...);

- Sản xuất súng hơi;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất súng và đạn dùng trong săn bắn, thể thao và bảo vệ;

- Sản xuất dụng cụ gây nổ như bom, mìn và ngư lôi và các loại vũ khí chiến tranh tương tự.

Loại trừ:

- Sản xuất đầu đạn, ngòi nổ, kíp nổ hay pháo sáng được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thiết bị ngắm súng quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất thanh đoản kiếm, gươm, kiếm, đao và lưỡi lê được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất xe bọc sắt để vận chuyển giấy bạc và những đồ quý giá được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất máy bay quân sự và tàu vũ trụ được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Sản xuất xe tăng, xe bọc thép và các loại xe cơ giới chiến đấu khác được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

- Đóng tàu thuyền quân sự được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi).

259: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động chung cho xử lý kim loại như rèn, ép, mạ, phủ, đánh bóng, hàn... được thực hiện chủ yếu qua phí hoặc hợp đồng. Nhóm này cũng gồm sản xuất các sản phẩm kim loại khác nhau như dao kéo, các dụng cụ kim loại cầm tay và các phần cứng nói chung; thùng đựng, chai; các đồ gia dụng kim loại,

các mối nối kim loại, mỏ neo tàu, thiết bị làm mối nối đường ray... cho nhiều mục đích sử dụng gia dụng và công nghiệp.

2591 - 25910: Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại

Nhóm này gồm:

- Rèn, dập, ép, cán kim loại;

- Luyện bột kim loại: Sản xuất các sản phẩm kim loại trực tiếp từ bột kim loại bằng phương pháp nhiệt hoặc bằng áp lực.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động tiếp sau để tu sửa thành phẩm như việc cắt sửa, làm sạch kim loại mà không có bất cứ xử lý nào khác.

Loại trừ: Sản xuất bột kim loại được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 2420 (Sản xuất kim loại màu và kim loại quý).

2592 - 25920: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Nhóm này gồm:

- Mạ, đánh bóng kim loại...

- Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt;

- Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;

- Nhuộm màu, chạm, in kim loại;

- Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài...;

- Mài, đánh bóng kim loại;

- Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối... các phần của khung kim loại;

- Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.

Loại trừ:

- Cán kim loại quý vào kim loại cơ bản hoặc kim loại khác được phân vào nhóm 24201 (Sản xuất kim loại quý);

- Dịch vụ đóng móng ngựa được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi).

2593 - 25930: Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, dĩa, thìa...;

- Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc;

- Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc;

- Sản xuất dụng cụ cầm tay như kìm, tua vít;

- Sản xuất dụng cụ cầm tay trong nông nghiệp không dùng năng lượng;

- Sản xuất cưa và lưỡi cưa, bao gồm lưỡi cưa tròn và cưa xích;

- Sản xuất dụng cụ có thể thay đổi được dùng cho các dụng cụ cầm tay, có hoặc không hoạt động bằng điện, hoặc dùng cho máy công cụ như: khoan, dùi, bàn ren, cắt khía;

- Sản xuất dụng cụ ép;

- Sản xuất dụng cụ rèn: rèn, đe...;

- Sản xuất hộp đúc (trừ đúc thỏi);

- Sản xuất mỏ cặp, kẹp;

- Sản xuất khóa móc, khóa, chìa khóa, bản lề... phần cứng cho xây dựng, đồ đạc, xe đạp...;

- Sản xuất đoản kiếm, kiếm, lưỡi lê...

Loại trừ:

- Sản xuất đồ để nấu ăn (nồi, ấm...), đồ ăn (bát, đĩa,...) hoặc đồ dẹt (đĩa nông lòng...) được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất dụng cụ cầm tay bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);

- Sản xuất thỏi đúc được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim);

- Sản xuất dụng cụ dao kéo bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

2599: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

25991: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gập lại được;

- Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: đồ dẹt: đĩa nông lòng..., đồ nấu như: nồi, ấm..., đồ ăn như: bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại;

- Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự.

25999: Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc;

- Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...

- Sản xuất túi đựng nữ trang;

- Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp;

- Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được;

- Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít;

- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;

- Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;

- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;

- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải...

- Sản xuất đinh hoặc ghim;

- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;

- Sản xuất các sản phẩm đinh vít;

- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;

- Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn trôn ốc, lá cho lò xo;

- Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng;

- Sản xuất các chi tiết kim loại khác như:

+ Sản xuất chân vịt tàu và cánh,

+ Mỏ neo,

+ Chuông,

+ Đường ray tàu hỏa,

+ Dụng cụ gài, uốn.

- Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại;

- Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;

- Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;

- Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.

Loại trừ:

- Sản xuất thùng và bể chứa được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);

- Sản xuất gươm, đao được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất lò xo đồng hồ đeo tay và treo tường được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);

- Sản xuất dây và cáp cho truyền điện được phân vào nhóm 27320 (Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác);

- Sản xuất xích truyền năng lượng được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động);

- Sản xuất xe chở đồ trong siêu thị được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất đồ đạc kim loại được phân vào nhóm 31090 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);

- Sản xuất dụng cụ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất đồ chơi và trò chơi được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

26: SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, MÁY TÍNH VÀ SẢN PHẨM QUANG HỌC

Ngành này gồm:

Sản xuất máy tính, linh kiện máy tính, thiết bị truyền thông và các sản phẩm điện tử cùng loại cũng như sản xuất các linh kiện cho các sản phẩm này.

Quá trình sản xuất của ngành này mang đặc tính riêng bởi kiểu dáng và việc sử dụng bo mạch và ứng dụng kỹ thuật với độ chuyên môn hóa cao.

Ngành này cũng gồm:

Sản xuất điện tử tiêu dùng, đo lường, kiểm nghiệm, thiết bị điều khiển, bức xạ, thiết bị điện y học và điện liệu pháp, thiết bị và dụng cụ quang học, sản xuất phương tiện truyền thông từ tính và quang học.

Loại trừ: Sản xuất thiết bị dây dẫn điện và cáp quang được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện).

261: Sản xuất linh kiện điện tử

Ngành này gồm: Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời, bộ biến tần quang điện và các linh kiện điện tử khác.

2611 - 26110: Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện

Nhóm này gồm: Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời, bộ biến tần quang điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất tế bào quang điện, mô - đun quang điện, tấm quang điện.

Loại trừ:

- Sản xuất đèn năng lượng mặt trời được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất hệ thống sưởi năng lượng mặt trời được phân vào nhóm 28150 (Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung);

- Lắp đặt hệ thống sưởi năng lượng mặt trời được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

2619 - 26190: Sản xuất linh kiện điện tử khác

Nhóm này gồm: Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác.

Cụ thể:

- Sản xuất tụ điện, điện tử;

- Sản xuất điện trở, điện tử;

- Sản xuất bộ mạch vi xử lý;

- Sản xuất bo mạch điện tử;

- Sản xuất ống điện tử;

- Sản xuất liên kết điện tử;

- Sản xuất mạch điện tích hợp;

- Sản xuất ống hai cực, bóng bán dẫn, bộ chia liên quan;

- Sản xuất phần cảm điện (cuộn cảm kháng, cuộn dây, bộ chuyển), loại linh kiện điện tử;

- Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể;

- Sản xuất solenoid, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử;

- Sản xuất chất bán dẫn, sản xuất chất tinh chế và bán tinh chế;

- Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới);

- Sản xuất cấu kiện hiển thị (plasma, polime, LCD);

- Sản xuất đi-ốt phát quang;

- Sản xuất cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB...

Loại trừ:

- Sản xuất thẻ thông minh, được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện được phân vào nhóm 26110 (Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện);

- Sản xuất mô đem (thiết bị truyền tải) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất màn hình tính và vô tuyến được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính), 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất ống tia X và phân chia bức xạ cùng loại được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất bộ chia tách cùng loại cho các ứng dụng điện tử được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện);

- Sản xuất đui bóng được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất môtơ, máy phát);

- Sản xuất rơ le điện được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất môtơ, máy phát);

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hoàn chỉnh được phân chia dựa trên cơ sở phân loại thiết bị điện tử.

262 - 2620 - 26200: Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính

Nhóm này gồm:

Sản xuất hoặc lắp ráp các máy tính điện tử như màn hình, máy tính để bàn, máy chủ, máy xách tay; các thiết bị ngoại vi máy tính như thiết bị lưu trữ và thiết bị ra/vào (máy in, màn hình, bàn phím). Có thể là máy tính tỷ biến, máy tính kỹ thuật số hoặc lai. Máy tính kỹ thuật số, loại điển hình nhất là các thiết bị có thể thực hiện các công việc sau: (1) lưu các chương trình xử lý hoặc các chương trình và số liệu cần ngay cho việc thực hiện một chương trình; (2) có thể được đặt chương trình phù hợp với các yêu cầu của người sử dụng; (3) thực hiện các tính toán do người sử dụng yêu cầu; và (4) thực hiện mà không cần có sự can thiệp của con người một chương trình xử lý yêu cầu máy tính thay đổi các thao tác của nó theo các quyết định logic trong khi chạy. Máy tính tỷ biến có thể có các mô hình toán và bao gồm ít nhất kiểm soát tỷ biến và các yếu tố chương trình.

Cụ thể:

- Sản xuất máy tính để bàn;
- Sản xuất máy tính xách tay;
- Sản xuất máy chủ;
- Sản xuất máy tính cầm tay (PDA);
- Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác;
- Sản xuất ổ đĩa quang học (ví dụ CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW);
- Sản xuất máy in;
- Sản xuất màn hình;
- Sản xuất bàn phím;
- Sản xuất các loại chuột, que điều khiển và các thiết bị kiểm tra;
- Sản xuất các giao diện máy tính;
- Sản xuất máy quét, bao gồm máy quét mã thanh;
- Sản xuất máy đọc thẻ thông minh;
- Sản xuất mũ ảo;
- Sản xuất máy chiếu.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất các cổng máy tính như máy rút tiền tự động (ATM), máy bán hàng (POS), không hoạt động theo cơ khí;

- Sản xuất thiết bị văn phòng đa chức năng, thực hiện hai hoặc nhiều chức năng như: in, sao chép, quét, fax.

Loại trừ:

- Sao bản ghi âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất các linh kiện điện tử và các thiết bị điện tử sử dụng trong máy tính và các thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất các giao diện, modun và thiết bị lắp được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất bảng mạch in chứa thành phần thụ động được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất modem, các thiết bị dẫn được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất các thiết bị truyền liên lạc kỹ thuật số, thiết bị truyền số liệu (ví dụ cầu, cổng) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị điện tử tiêu dùng, như máy chạy CD và DVD được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất màn hình vô tuyến và màn hình hiển thị được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất các chương trình trò chơi điện tử được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất phương tiện quang học hoặc từ tính sử dụng trong các thiết bị máy tính hoặc thiết bị khác được phân vào nhóm 26800 (Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học).

263 - 2630 - 26300: Sản xuất thiết bị truyền thông

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua mạng có dây hoặc không dây như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây;

- Sản xuất thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm;

- Sản xuất điện thoại không dây;

- Sản xuất thiết bị đổi nhánh riêng (PBX);

- Sản xuất điện thoại và máy fax, bao gồm máy trả lời điện thoại;

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cổng, thiết bị truyền dẫn;

- Sản xuất ăng-ten thu phát;

- Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến;

- Sản xuất máy nhắn tin;

- Sản xuất điện thoại di động;

- Sản xuất thiết bị truyền thông di động;

- Sản xuất thiết bị trong phòng thu vô tuyến và truyền thanh, bao gồm cả các máy quay phim;

- Sản xuất môdem, thiết bị truyền tải;

- Sản xuất thiết bị chuyển đổi tivi và đài;

- Sản xuất thiết bị truyền thông sử dụng tín hiệu hồng ngoại (ví dụ như điều khiển từ xa);

- Sản xuất thiết bị phòng thu phát sóng như thiết bị sao chép, ăng-ten truyền và nhận, máy quay video thương mại.

Loại trừ:

- Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);

- Sản xuất thiết bị thu thanh và thu hình gia dụng được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất thiết bị linh kiện điện tử và cụm lắp ráp được sử dụng thiết bị truyền thông, bao gồm môdem máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);

- Sản xuất bảng mạch in chứa thành phần thụ động được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất hệ thống chuông chống trộm và đèn báo động, gửi dấu hiệu đến một trạm điều khiển được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất thiết bị GPS được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển).

- Sản xuất bảng ghi tỷ số điện tử được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất đèn giao thông được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

264 - 2640 - 26400: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị âm thanh và video điện tử cho giải trí gia đình, xe có động cơ, hệ thống truyền thanh và thiết bị khuếch đại âm thanh;

- Sản xuất đầu máy video và thiết bị sao chép;

- Sản xuất tivi;

- Sản xuất màn hình vô tuyến;

- Sản xuất thiết bị thu thanh và sao chép như đầu DVD, CD;

- Sản xuất máy chiếu;

- Sản xuất thiết bị âm thanh nổi;

- Sản xuất máy thu radio;

- Sản xuất hệ thống loa phóng thanh;

- Sản xuất loại video camera kiểu hộ gia đình;

- Sản xuất máy hát tự động;

- Sản xuất máy khuếch đại cho nhạc cụ và hệ thống truyền thanh;

- Sản xuất micrô;

- Sản xuất bộ chuyển đổi quang điện đa phương tiện có đầu đọc nhận dạng ký tự quang học;

- Sản xuất máy karaoke;

- Sản xuất tai nghe (ví dụ như dùng cho radio, máy radio âm thanh nổi, máy tính);

- Sản xuất bảng điều khiển của các chương trình trò chơi video;

- Sản xuất tai nghe, tai nghe kết hợp với micro, bao gồm cả tai nghe thực tế ảo;

- Sản xuất các thiết bị trong hệ thống rạp hát tại nhà.

Loại trừ:

- Tái sản xuất thiết bị ghi âm truyền thông (máy tính truyền thông, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất thiết bị máy tính ngoại vi và màn hình máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);

- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị nhắn tin được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị điều khiển từ xa (radio và hồng ngoại) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất camera và thiết bị phát thanh khác được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị thu thanh như thiết bị tái sản xuất, ăng-ten thu phát, video thương mại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị phát sóng và thiết bị phòng thu được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất ăng-ten được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất máy ảnh kỹ thuật số được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất chương trình trò chơi điện tử với các phần mềm cố định được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

265: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm: Sản xuất các hệ thống và thiết bị cảm biến, đo lường, kiểm tra, định hướng, điều khiển dùng cho các mục đích chuyên ngành hay không chuyên ngành khác nhau; bao gồm các thiết bị đo thời gian như đồng hồ để bàn, treo tường và các thiết bị liên quan.

2651 - 26510: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển

Nhóm này gồm:

Sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động

như: lò, điều hoà, tủ lạnh và các thiết bị khác; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát về nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, cấp độ, độ dính, mật độ, độ axit, độ tập trung, sự luân phiên; đo tổng số (như công tơ), dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện tử; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hóa học và vật lý hay độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó.

Cụ thể:

- Sản xuất động cơ máy bay;
- Sản xuất thiết bị kiểm tra mức khí thải tự động;
- Sản xuất thiết bị khí tượng;
- Sản xuất thiết bị kiểm tra đặc tính vật lý;
- Sản xuất máy đo điện tim;
- Sản xuất dụng cụ phát hiện phóng xạ và dụng cụ chỉ huy;
- Sản xuất thiết bị cho điều tra;
- Sản xuất nhiệt kế lỏng trong kính và loại lưỡng kim (trừ y tế);
- Sản xuất máy đo độ ẩm;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát giới hạn thủy lực;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát lửa và nhiệt;
- Sản xuất quang phổ kế;
- Sản xuất máy đo khí;
- Sản xuất công tơ đo lượng tiêu dùng (như nước, gas, điện);
- Sản xuất máy đo dòng chảy và thiết bị đếm;
- Sản xuất máy đếm;
- Sản xuất máy dò quặng, máy đo độ rung, máy dò tìm kim loại;
- Sản xuất thu thanh máy bay, kiểm tra, đo lường, định hướng, thiết bị hàng không, hàng hải, bao gồm phao âm;
- Sản xuất thiết bị GPS;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát môi trường và điều khiển tự động;

- Sản xuất thiết bị đo lường và ghi (ví dụ đo ánh sáng);

- Sản xuất máy giám sát hành động;

- Sản xuất radar;

- Sản xuất dụng cụ phân tích thí nghiệm (ví dụ thiết bị phân tích mẫu máu);

- Sản xuất thiết bị chưng cất trong phòng thí nghiệm, máy li tâm, máy siêu âm;

- Sản xuất thiết bị cân, đo, lồng ấp dùng trong phòng thí nghiệm;

- Sản xuất các thiết bị đo lường khác như máy dò phóng xạ, máy dò tìm, đo khí tượng...;

- Sản xuất cảm biến và thiết bị cảm biến.

Loại trừ:

- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị kiểm tra y tế được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất thiết bị định vị quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất máy ghi âm được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính));

- Sản xuất thiết bị đo lường cơ khí đơn giản (băng, compa...) phân theo các vật liệu chính được sử dụng;

- Lắp đặt thiết bị kiểm soát các quá trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 33200 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

2652 - 26520: Sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại đồng hồ đeo tay, treo tường, bao gồm đồng hồ dạng tấm;

- Sản xuất hộp đựng đồng hồ treo tường và đeo tay, bao gồm cả hộp bằng kim loại quý;

- Sản xuất thiết bị ghi thời gian và thiết bị đo lường, hoặc hiển thị khoảng cách thời gian có kim đồng hồ hoặc có mô tơ đồng bộ như:

+ Máy đo thời gian dừng nghỉ,

+ Đồng hồ,

+ Dấu đóng ngày/giờ,

+ Máy đo quá trình.

- Sản xuất máy chuyển đổi thời gian và các máy ngắt khác có gắn kim đồng hồ hoặc mô tơ đồng bộ như: khóa hẹn giờ...;

- Sản xuất các linh kiện cho đồng hồ treo tường và đeo tay như:

+ Kim đồng hồ các loại,

+ Lò xo, mặt đồng hồ, đĩa, cầu và các bộ phận khác của đồng hồ,

+ Vỏ bọc đồng hồ bằng mọi chất liệu.

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (bằng vải, da, nhựa) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất đồng hồ thông minh được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đồng hồ bằng kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

266 - 2660 - 26600: Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp

Nhóm này gồm:

Sản xuất máy móc cơ điện học, điện liệu pháp như thiết bị cộng hưởng từ tính, thiết bị siêu âm y tế, thiết bị trợ thính, máy ghi điện tim, thiết bị nội soi cơ điện học, sản xuất máy bức xạ và ống ứng dụng, như chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, đánh giá công nghiệp, nghiên cứu và khoa học. Bức xạ có thể dưới dạng tia bêta, tia gama, tia X và các bức xạ ion khác.

Cụ thể:

- Sản xuất máy và ống bức xạ (ví dụ công nghiệp, chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, nghiên cứu, khoa học);

- Sản xuất thiết bị tia X;

- Sản xuất máy quét CT;
- Sản xuất máy quét PET;
- Sản xuất thiết bị MRI;
- Sản xuất thiết bị laser y tế;
- Sản xuất thiết bị nội soi y tế;
- Sản xuất máy tạo nhịp tim;
- Sản xuất máy trợ thính;
- Sản xuất máy hô hấp nhân tạo hoặc máy trị liệu hô hấp;
- Sản xuất máy thở chạy điện;
- Sản xuất máy điện rung mát xa y tế;
- Sản xuất thiết bị bức xạ kiểm tra, diệt khuẩn thức ăn và sữa.

Loại trừ: Sản xuất giường thuộc da, được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

267 - 2670 - 26700: Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ và thấu kính quang học, như ống nhòm, kính hiển vi (trừ electron, proton), kính thiên văn, kính lăng trụ, thấu kính; thấu kính phủ ngoài hoặc đánh bóng (trừ kính mắt); thấu kính khung (trừ kính mắt) và sản xuất thiết bị chụp ảnh như camera và máy đo ánh sáng.

Cụ thể:

- Sản xuất gương quang học;
- Sản xuất thiết bị súng ngắn quang học;
- Sản xuất thiết bị định vị quang học;
- Sản xuất dụng cụ phóng đại quang học;
- Sản xuất dụng cụ quang học chính xác;
- Sản xuất máy so mẫu quang học;
- Sản xuất camera (quang học, kỹ thuật số);
- Sản xuất máy chiếu hình ảnh động và slide;
- Sản xuất máy chiếu sử dụng đèn;

- Sản xuất dụng cụ đo lường quang học và kiểm tra (thiết bị điều khiển cháy, máy đo ánh sáng nhiếp ảnh, tìm tầm ngắm);

- Sản xuất thấu kính, siêu âm quang học, ống nhòm, kính thiên văn;

- Sản xuất thiết bị laser;

- Sản xuất vật kính cho máy ảnh, máy chiếu, phóng to hoặc thu nhỏ ảnh;

- Sản xuất băng video và băng âm thanh từ tính không ghi âm;

- Sản xuất đĩa quang không ghi.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chiếu dùng cho máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);

- Sản xuất tivi thương mại và video camera được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất video camera dùng cho gia đình được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất các thiết bị hoàn thiện sử dụng các cấu kiện laser được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất máy photocopy được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);

- Sản xuất hàng hóa thiết bị chữa mắt được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

268 - 2680 - 26800: Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị truyền thông thu âm quang học và từ tính, như băng video và casset từ tính trắng, đĩa trắng, đĩa quang học trắng và thiết bị truyền thông tốc độ cao...

Loại trừ: Tái sản xuất thiết bị thu thanh (truyền thông kỹ thuật số, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại).

27: SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng điện. Ngành này cũng gồm sản xuất đèn điện, thiết bị phát tín hiệu và các thiết bị điện gia đình.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm điện tử được phân vào ngành 26 (Sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học).

271 - 2710: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy biến thế điện, phân phối và các máy biến thế chuyên dùng; máy phát điện, tập trung; bộ chuyển mạch và tổng đài; rơle và điều khiển công nghiệp. Thiết bị điện trong nhóm này phân theo mức độ điện trở.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chuyển và biến đổi loại điện được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất dụng cụ điều khiển môi trường và thiết bị kiểm soát các quy trình công nghiệp, được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất bộ chuyển mạch điện, như nút bấm, khóa chuyển được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất máy đổi điện, chuyển dòng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất bộ phát điện tua bin được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất máy khởi động và máy phát điện cho cơ khí cháy nội sinh được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

27101: Sản xuất mô tơ, máy phát

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy biến đổi phân phối điện;

- Sản xuất máy chuyển đổi hàn bằng một cung lửa điện;

- Sản xuất đá balat huỳnh quang (như máy biến thế);

- Sản xuất máy phát điện (trừ máy khởi động đốt cháy nội sinh);

- Sản xuất máy phát điện (trừ máy dao điện nạp pin cho máy đốt cháy nội sinh);
- Sản xuất bộ phát điện (trừ các bộ phát điện tua bin).

27102: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy chuyển đổi phụ, phân phối năng lượng điện;
- Sản xuất máy điều chỉnh truyền và phân phối điện;
- Sản xuất bảng kiểm soát phân phối điện;
- Sản xuất máy tách mạch điện, năng lượng;
- Sản xuất bảng điều khiển, phân phối năng lượng điện;
- Sản xuất ống dẫn cho máy tổng đài điện cơ;
- Sản xuất cầu chì, điện;
- Sản xuất thiết bị chuyển năng lượng;
- Sản xuất bộ chuyển, năng lượng điện (trừ nút bấm, khóa, sôlênôit (cuộn dây kim loại trở nên có từ tính khi có dòng điện đi qua cuộn dây đó), lẫy khóa);
- Sản xuất bộ phát điện chuyển căn bản;
- Cuộn lại lõi trong các nhà máy.

272 - 2720 - 27200: Sản xuất pin và ắc quy

Nhóm này gồm: Sản xuất pin sạc lại được và pin không sạc lại được.

Cụ thể:

- Sản xuất pin và ắc quy: Pin có dioxit mangan, dioxit thủy ngân, ôxit bạc...
- Sản xuất ắc quy điện, bao gồm các phần như: Tấm ngăn, bình ắc quy, vỏ bọc;
- Sản xuất ắc quy axit chì;
- Sản xuất ắc quy nitrat camium;
- Sản xuất ắc quy NiMH;
- Sản xuất ắc quy Lithium;
- Sản xuất ắc quy khô;
- Sản xuất ắc quy nước;
- Sản xuất hệ thống lưu trữ năng lượng pin;
- Sản xuất pin cho xe đạp điện và pin cho xe ô tô điện.

Loại trừ:

- Sản xuất trạm sạc ô tô điện được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Lắp đặt hệ thống lưu trữ điện cho các tòa nhà và cơ sở hạ tầng điện được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

273: Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện và thiết bị dây dẫn không mang điện cho mạch điện dẫn bằng mọi chất liệu.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất dây cách điện và sợi cáp quang học.

2731 - 27310: Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất sợi cáp quang truyền số liệu hoặc truyền hình ảnh động.

Loại trừ:

- Sản xuất sợi thủy tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh);

- Sản xuất đầu nối sợi quang, bó sợi quang và dây cáp quang được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Lắp đặt cáp quang và các loại cáp khác được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

2732 - 27320: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm;

- Sản xuất cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB không kèm đầu nối.

Loại trừ:

- Sản xuất (kéo) dây thép và dây kim loại không cách điện được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 24202 (Sản xuất kim loại màu);

- Sản xuất bộ dây điện có dây cách điện và đầu nối được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất bộ dây cáp, vỏ bọc dây điện và các bộ dây cáp tương tự hoặc các linh kiện dùng trong các ứng dụng tự động được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

2733 - 27330: Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện bằng bất cứ vật liệu nào,

Cụ thể:

- Sản xuất thanh ray xe buýt, dây dẫn điện (trừ loại mạch chuyển);

- Sản xuất GFCI (ngắt mạch rò ngầm);

- Sản xuất kẹp đèn;

- Sản xuất cột và cuộn chống sét;

- Sản xuất bộ phận ngắt mạch cho dây dẫn điện (các công tắc ứng suất, nút bấm, lẫy khóa);

- Sản xuất phích cắm, đầu nối hoặc ổ cắm điện;

- Sản xuất hộp đựng dây điện (ví dụ mối nối, công tắc);

- Sản xuất cáp, máy móc, điện;

- Sản xuất thiết bị nối và dẫn;

- Sản xuất cực chuyển giao và mạch nối phần cứng;

- Sản xuất thiết bị dây dẫn không mang điện bằng nhựa bao gồm cáp điện nhựa, hộp đựng mối nối hai mạch điện bằng nhựa, bàn rà, máy nối cực bằng nhựa và các thiết bị tương tự.

Loại trừ: Sản xuất cách điện bằng gốm được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác).

274 - 2740 - 27400: Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

Nhóm này gồm:

Sản xuất đèn tròn hoặc đèn ống, các bộ phận hoặc linh kiện (trừ những chỗ thủy tinh rỗng của đèn ống); các vật điện chiếu sáng (trừ xe điện); thiết bị chiếu sáng không dùng điện; chụp đèn (trừ loại bằng thủy tinh và nhựa); linh kiện các vật chiếu sáng (trừ dây dẫn mang điện). Sản xuất thiết bị chiếu sáng không dùng điện cũng thuộc nhóm này.

Cụ thể:

- Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn LED... đèn, thiết bị phụ và bóng đèn;

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng treo cố định trên trần nhà hoặc trên tường;

- Sản xuất đèn treo nhiều ngọn;

- Sản xuất đèn bàn hoặc đèn đứng (đồ chiếu sáng cố định);

- Sản xuất đèn trang trí;

- Sản xuất lò sưởi điện;

- Sản xuất đèn flash;

- Sản xuất đèn điện diệt côn trùng;

- Sản xuất đèn lồng (cacbua, điện, gas, dầu lửa);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho các phương tiện giao thông (trừ xe cộ);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cố định trên đường phố (trừ đèn giao thông);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe cộ (ví dụ cho xe máy, máy bay, tàu thủy);

- Đèn năng lượng mặt trời.

Loại trừ:

- Sản xuất đồ thủy tinh và bộ phận bằng thủy tinh dùng cho đồ chiếu sáng được phân vào nhóm 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh);

- Sản xuất đi-ốt phát quang được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện hoặc không mang điện dùng cho đồ chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất quạt trần hoặc quạt phòng tắm có gắn thiết bị chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị dấu hiệu bằng điện như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu cho người đi trên đường được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất biển báo điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

275 - 2750 - 27500: Sản xuất đồ điện dân dụng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện nhỏ và đồ gia dụng bằng điện, máy hút bụi dùng trong gia đình, quạt gia dụng, máy giặt gia dụng, máy lau sàn điện gia dụng, thiết bị là, thiết bị nấu ăn gia dụng, tủ lạnh gia dụng, tủ ướp lạnh, các thiết bị gia dụng chính

bằng điện hoặc không bằng điện, như máy rửa bát, bình đun nước, máy nghiền rác. Nhóm này bao gồm các thiết bị có điện, gas hoặc các nguồn năng lượng khác.

Cụ thể:

- Sản xuất các thiết bị điện gia dụng như: tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió.

- Sản xuất các thiết bị gia dụng nhiệt điện như: máy đun nước bằng điện, chăn điện, máy sấy, lược, bàn chải, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở,...

- Sản xuất thiết bị nấu và làm nóng gia dụng không dùng điện như: Máy sưởi không dùng điện, vỉ nướng, lò, ấm đun nước, thiết bị nấu ăn, sấy bát.

Loại trừ:

- Sản xuất tủ lạnh và máy ướp lạnh dùng cho thương mại và công nghiệp, điều hoà nhiệt độ phòng, quạt treo, lò sưởi vĩnh cửu, quạt thông hơi, hút gió, đồ đun nấu, máy giặt thương mại, giặt khô, máy hút bụi thương mại công nghiệp và trong công sở được phân vào ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy khâu gia dụng được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Lắp đặt hệ thống máy hút bụi trung tâm được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

279 - 2790 - 27900: Sản xuất thiết bị điện khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.

Cụ thể:

- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;

- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;

- Sản xuất chuông điện;

- Sản xuất dây nối dài được làm từ dây cách điện;

- Sản xuất máy làm sạch bằng sóng siêu âm (trừ phòng thí nghiệm và nha khoa);

- Sản xuất pin nhiên liệu, thiết bị cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh;

- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);

- Sản xuất thiết bị chống sét;

- Sản xuất dây điện dân dụng, dây nối dài và các bộ dây điện khác với dây cách điện và đầu nối;

- Sản xuất điện cực các-bon và graphit, kết nối, các sản phẩm các-bon và graphit điện khác;

- Sản xuất máy gia tốc hạt;

- Sản xuất tụ điện, điện trở và các thiết bị tương tự;

- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;

- Sản xuất nam châm điện;

- Sản xuất còi báo động;

- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;

- Sản xuất biển báo điện;

- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị tín hiệu cho người đi bộ;

- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;

- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;

- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay;

- Sản xuất bộ biến tần cho hệ thống quang điện;

- Sản xuất máy mạ điện;

- Sản xuất bộ sạc trên xe cho xe có động cơ;

- Sản xuất cụm cáp có đầu nối;

- Sản xuất trạm sạc ô tô.

Loại trừ:

- Sản xuất vật cách điện bằng thủy tinh được phân vào nhóm 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh);

- Sản xuất vật cách điện bằng sứ được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);

- Sản xuất sợi và các sản phẩm các-bon hoặc graphit được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy chỉnh lưu loại linh kiện điện, mạch điện chỉnh điện áp, mạch điện đổi năng lượng, tụ điện, điện trở và các thiết bị khác được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất máy biến thế, môtơ, máy phát điện, thiết bị đóng cắt, rơle, điều khiển công nghiệp được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện);

- Sản xuất ắc quy được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);

- Sản xuất dây truyền thông và truyền tải năng lượng, thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện được phân vào nhóm 273 (Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất miếng đệm các bon và graphit được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất thiết bị điện dùng cho mô tô như máy phát điện, máy biến thế, ổ cắm, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào bằng điện, máy điều chỉnh điện thế,... được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất mô-đun biến tần và pin nhiên liệu cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ).

28: SẢN XUẤT MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐÂU

Ngành này gồm: Sản xuất máy móc và thiết bị hoạt động độc lập với nguyên liệu về mặt cơ khí hoặc nhiệt hoặc thực hiện các tác động lên nguyên liệu (như cân và đóng gói), bao gồm các linh kiện cơ khí mà sản sinh và ứng dụng lực và bất kỳ linh kiện ban đầu nào được sản xuất, các thiết bị cố định, di động hoặc cầm tay,

không kể chúng được thiết kế cho công nghiệp, xây dựng, kỹ thuật dân dụng, nông nghiệp hoặc gia dụng. Sản xuất các thiết bị đặc biệt cho vận tải hành khách và hàng hóa trong phạm vi liên quan cũng thuộc ngành này.

Ngành này cũng gồm:

- Sản xuất các máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu trong hệ thống ngành cho dù có được dùng trong các quá trình sản xuất hay không, như thiết bị gây cười trong các hội chợ, thiết bị dành cho trò chơi bowling...

- Sản xuất các sản phẩm kim loại sử dụng chung (Ngành 25), thiết bị liên quan đến điều khiển, thiết bị máy tính, thiết bị đo lường và kiểm tra, phân phối điện và máy móc điều khiển (Ngành 26 và 27) và xe có động cơ dùng cho mục đích chung (Ngành 29).

(Xem tiếp Công báo số 1443 + 1444)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn